SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN CẤP ĐĂNG KÝ NIÊM YẾT CHỨNG KHOÁN CHỈ CÓ NGHĨA LÀ VIỆC NIÊM YẾT CHỨNG KHOÁN ĐÃ THỰC HIỆN THEO CÁC QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT LIÊN QUAN MÀ KHÔNG HÀM Ý ĐẢM BẢO GIÁ TRỊ CỦA CHỨNG KHOÁN. MỌI TUYÊN BỐ TRÁI VỚI ĐIỀU NÀY LÀ BẤT HỢP PHÁP.

SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

BẢN CÁO BẠCH

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG HÀ TIÊN 2

HÀ TIÊN 2

(Giấy chứng nhận ĐKKD số 56-03-000124 do Sở Kế hoạch và đầu tư tỉnh Kiên Giang cấp ngày 01/02/2008 và đăng ký thay đổi lần thứ 01 ngày 28/02/2008)

NIÊM YẾT CỔ PHIẾU TRÊN SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN

(Đăng ký niêm yết số: 17/QĐ-SGDHCM do Sở Giao dịch Chứng khoán Tp.Hồ Chí Minh cấp ngày 6 tháng 3 năm 2008)

TỔ CHỨC TƯ VẤN :

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN BẢN VIỆT (VCSC)

Viet Capital Securities

BẢN CÁO BẠCH NÀY VÀ TÀI LIỆU BỔ SUNG SẼ ĐƯỢC CUNG CẤP TẠI

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG HÀ TIÊN 2

Trụ sở chính: Quốc lộ 80, ấp Lò Bơm, thị trấn Kiên Lương, huyện Kiên Lương, tỉnh Kiên Giang.

Điện thoại: (84-773) 853 004 Fax: (84-773) 853 005 Website: www.xmht2.com.vn

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN BẢN VIỆT (VCSC)

Trụ sở chính: Số 67 Hàm Nghi, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Điện thoại: (84-8) 914 3588 Fax: (84-8) 914 3209 Website: www.vcsc.com.vn

PHỤ TRÁCH CÔNG BỐ THÔNG TIN:

Họ và tên: Phạm Mạnh Hùng

Chức vụ tại tổ chức niêm yết: Trưởng phòng Kế hoạch Đầu tư

Địa thoại liên hệ: 0918313562

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG HÀ TIÊN 2

Giấy chứng nhận ĐKKD số 56-03-000124 do Sở Kế hoạch và đầu tư tỉnh Kiên Giarg cấp ngày 01/02/2008 và đăng ký thay đổi lần thứ 01 ngày 28/02/2008

NIÊM YẾT CỔ PHIẾU TRÊN SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN

(Giấy chứng nhận đăng ký niêm yết số 17/QĐ-SGDHCM do Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 6.. tháng 3.. năm 2008)

Tên cổ phiếu:	Cổ phiếu Công ty Cổ Phần Xi măng Hà Tiên 2.
Loại cổ phiếu:	Cổ phiếu phổ thông.
Mệnh giá	10.000 đồng/cổ phần.
Tổng số lượng niêm yết :	88.000.000 cổ phần.
Tổng giá trị niêm yết theo mệnh giá:	880.000.000.000 đồng.

TỔ CHỨC TƯ VẤN:

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN BẢN VIỆT (VCSC)

Viet Capital Securities

Trụ sở chính : Số 67 Hàm Nghi, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Điện thoại: (84-8) 914 3588

Fax: (84-8) 914 3209

Website : www.vcsc.com.vn

TỔ CHỨC KIỂM TOÁN:

TỔ CHỨC KIỂM TOÁN BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2006

Công ty TNHH Deloitte Việt Nam (Chuyển đổi từ VACO)

Địa chỉ: Số 8 Phạm Ngọc Thạch, Quận Đống Đa, Hà Nội

Điện thoại: (84-4) 852 4123 Fax: (84-4) 852 4143

TỔ CHỨC KIỂM TOÁN BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2007

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán (AASC)

Địa chỉ: Số 1 Lê Phụng Hiểu, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội

Điện thoại: (84-4) 824 1990 Fax: (84-4) 825 3973

MỤC LỤC

I. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO 2

1. Rủi ro kinh tế 2
2. Rủi ro về pháp luật 2
3. Rủi ro về giá nhiên liệu 2
4. Rủi ro do chênh lệch tỷ giá 2
5. Rủi ro cạnh tranh 2
6. Rủi ro khác 3

II. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH 3

1. Tổ chức niêm yết 3
2. Tổ chức tư vấn 3

III. CÁC KHÁI NIỆM 4

IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC NIÊM YẾT 4

1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển 4
2. Cơ cấu bộ máy tổ chức 7
3. Cơ cấu bộ máy quản lý Công ty 8
4. Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần (có quyền biểu quyết) của Công ty tại thời điểm 15/01/2009 15
5. Danh sách những Công ty mẹ và Công ty con của tổ chức niêm yết 16
6. Hoạt động kinh doanh 17
7. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong hai năm gần nhất 41
8. Vị thế của Công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành 42
9. Chính sách đối với người lao động 48
10. Chính sách cổ tức 50
11. Tình hình hoạt động tài chính 50
12. Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban kiểm soát, Kế toán trưởng 57
13. Tài sản 69
14. Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức năm 2009 71
15. Đánh giá của tổ chức tư vấn về kế hoạch lợi nhuận và cổ tức 75
16. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của Công ty 75
17. Các thông tin tranh chấp kiện tụng liên quan tới Công ty có thể ảnh hưởng đến giá cổ phiếu 75

V. CỔ PHIẾU NIÊM YẾT 76

VI. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI VIỆC NIÊM YẾT 78

VII. PHỤ LỤC 79

I. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO

1. Rủi ro kinh tế

Nền kinh tế Việt Nam đã phát triển khá cao trong những năm vừa qua, tốc độ tăng GDP bình quân trong thời kỳ 2002-2007 là 7,8%, khu vực sản xuất công nghiệp tăng khoảng 16,5%/năm. Trong đó, ngành xây dựng, vật liệu xây dựng nói chung và ngành sản xuất xi măng nói riêng cũng chịu ảnh hưởng trực tiếp tốc độ tăng trưởng kinh tế của mỗi quốc gia.

Tuy nhiên, năm 2008 khủng hoảng tài chính toàn cầu dẫn đến một số nền kinh tế lớn suy thoái, kinh tế thế giới suy giảm do đó tốc độ tăng trưởng GDP năm 2008 của Việt Nam chậm lại còn 6,23%, trong đó khu vực công nghiệp và xây dựng tăng 7,5%. Năm 2009 là năm được dự báo kinh tế thế giới còn nhiều khó khăn trước khi có thể phục hồi. Mặc dù có nhiều khó khăn, có thể phải giảm tốc độ tăng trưởng trong ngắn hạn, nhưng Việt Nam được nhận định vẫn có nhiều tiềm năng tăng trưởng tốt trong những năm tới. Riêng năm 2009, Việt Nam cùng với Trung Quốc, Ấn Độ, Indonexia vẫn được dự báo là bốn nước có tốc độ tăng trưởng GDP nhanh nhất thế giới.

2. Rủi ro về pháp luật

Là công ty cổ phần, nên hoạt động của Công ty cổ phần Xi măng Hà Tiên 2 chịu ảnh hưởng của các văn bản pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán, Luật và các văn bản dưới luật trong lĩnh vực này đang trong quá trình hoàn thiện, sự thay đổi về mặt chính sách có thể xảy ra và khi xảy ra thì sẽ ít nhiều ảnh hưởng đến hoạt động quản trị, kinh doanh của doanh nghiệp.

3. Rủi ro về giá nhiên liệu

Do đặc thù của ngành xi măng phải sử dụng nhiên liệu chính là dầu hoặc than để nung clinker. Do vậy, nhiên liệu chiếm một tỷ trọng đáng kể trong giá thành sản xuất xi măng. Mặc dù công ty đã chủ động chuyển sang đốt than thay dầu góp phần giảm chi phí nhiên liệu xuống chỉ bằng 25% so với đốt dầu. Tuy nhiên, nếu giá than và dầu trong thời gian tới biến động bất thường sẽ ảnh hưởng đến giá thành của Xi măng Hà Tiên 2 cũng như hiệu quả kinh doanh của Công ty.

4. Rủi ro do chênh lệch tỷ giá

Một số dự án mà Hà Tiên 2 đang đầu tư hiện nay được vay bằng ngoại tệ như trình bày tại mục IV.11.1.f do vậy biến động tỷ giá giữa USD, EUR so với VNĐ sẽ có ảnh hưởng nhất định đến kết quả kinh doanh của Hà Tiên 2.

5. Rủi ro cạnh tranh

Đối với thị trường Đồng bằng Sông Cửu Long, hiện nay Hà Tiên 2 có thị phần khá tốt và ổn định. Hiện nay nhằm mở rộng thị trường tiêu thụ tại Tp. Hồ Chí Minh và các tỉnh miền Đông

Nam bộ như Bình Dương, Đồng Nai, Bà Rịa Vũng Tàu, Tây Ninh và một số tỉnh lân cận, Hà Tiên đã xây dựng Trạm nghiền xi măng Hà Tiên 2 - Long An với công suất 500.000 tấn xi măng/năm. Sản phẩm của Trạm nghiền sẽ góp phần nâng cao công suất của Hà Tiên 2 hiện tại đồng thời nâng cao năng lực cạnh tranh của Hà Tiên 2 tại trị trường rất tiềm năng này. Tất nhiên sản phẩm của Hà Tiên 2 cũng phải chịu sự cạnh tranh gay gắt tại thị trường Thành phố Hồ Chí Minh và các tỉnh lân cận dù có lợi thế về chi phí vận chuyển tốt hơn so với việc không có Trạm nghiền Long An.

6. Rủi ro khác

Các rủi ro khác như thiên tai, địch họa, hỏa hoạn .v.v... là những rủi ro bất khả kháng. nếu xảy ra sẽ gây thiệt hại cho tài sản, con người và tình hình hoạt động chung của Công ty.

II. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH

1. Tổ chức niêm yết

Ông **Lý Tân Huệ**	Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Xi măng Hà Tiên 2
Ông **Trần Duy Sơn**	Chức vụ: Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Giám đốc Công ty Cổ phần Xi măng Hà Tiên 2
Ông **Nguyễn Quyết Chiến**	Chức vụ: Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Trưởng phòng Kế toán Công ty Cổ phần Xi măng Hà Tiên 2
Ông **Phạm Đức Trung**	Chức vụ: Trưởng Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần Xi măng Hà Tiên 2

Chúng tôi đảm bảo rằng các thông tin và số liệu trong Bản cáo bạch này là phù hợp với thực tế mà chúng tôi được biết, hoặc đã điều tra, thu thập một cách hợp lý.

2. Tổ chức tư vấn

Đại diện theo pháp luật : Ông **Tô Hải**

Chức vụ: Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán Bản Việt

Bản cáo bạch này là một phần của hồ sơ đăng ký niêm yết do Công ty Cổ phần Chứng khoán Bản Việt tham gia lập trên cơ sở Hợp đồng tư vấn với Công ty Cổ phần Xi măng Hà Tiên 2. Chúng tôi đảm bảo rằng việc phân tích, đánh giá và lựa chọn ngôn từ trong Bản cáo bạch này đã được thực hiện một cách hợp lý và cẩn trọng dựa trên cơ sở các thông tin và số liệu do Công ty Cổ phần Xi măng Hà Tiên 2 cung cấp.

III. CÁC KHÁI NIỆM

Công ty:	Công ty Cổ phần Xi măng Hà Tiên 2
Hà Tiên 2:	Công ty Cổ phần Xi măng Hà Tiên 2
HT2:	Xi măng Hà Tiên 2
Tổ chức tư vấn:	Công ty Cổ phần Chứng khoán Bản Việt
HĐQT:	Hội đồng Quản trị
BKS:	Ban Kiểm soát
BGĐ:	Ban Giám đốc
CNĐKKD:	Chứng nhận đăng ký kinh doanh
CBCNV:	Cán bộ công nhân viên
QLDN:	Quản lý doanh nghiệp
TCVN:	Tiêu chuẩn Việt Nam
BQLDA:	Ban quản lý Dự án

IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC NIÊM YẾT

1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển

1.1. Lịch sử hình thành và phát triển

a. ***Lịch sử hình thành***

Nhà máy xi măng Hà Tiên nằm trong kế hoạch phát triển công nghệ sản xuất xi măng của chính quyền miền Nam vào những năm cuối thập kỷ 50 thế kỷ XX. Nhà máy Kiên Lương - Nhà máy xi măng Hà Tiên là tên gọi trước ngày 30/4/1975, được khởi công xây dựng ngày 15/4/1961 và được khánh thành vào ngày 21/3/1964. Sau ngày 30/04/1975, Ủy ban quân quản tỉnh Long - Châu - Hà cử đại diện các cấp từ tỉnh đến thị tứ tiếp quản nhà máy.

Đến ngày 12/5/1975, Ban quân quản tiến hành chuyển giao quyền quản lý nhà máy cho Cục Cầu đường miền tây Nam bộ. Nhưng cơ quan này cũng chỉ quản lý nhà máy trong khoảng 1 tháng. Sau đó nhà máy được chuyển giao cho Tổng Công ty xây dựng số 1 - Bộ Xây dựng quản lý, tổ chức lại sản xuất. Nhà máy được đổi tên là Nhà máy xi măng Kiên Lương với sản phẩm vẫn là bán thành phẩm xi măng (clinker).

Một năm sau, Bộ Xây dựng có công văn số 1349-BXD/KH-VL ngày 26/6/1976 trình Thủ tướng Chính phủ việc tiếp tục nghiên cứu, thiết kế xây dựng Nhà máy xi măng Hà Tiên mở

rộng. Quyết định trên có sự điều chỉnh quy hoạch nhà máy phù hợp tình hình phát triển kinh tế xã hội ở các tỉnh Đồng bằng sông Cửu Long trước mắt và lâu dài. Nội dung chính như sau:

- Tại Kiên Lương: Xây dựng dây chuyền nung clinker phương pháp khô công suất 900.000 tấn/năm và một dây chuyền sản xuất xi măng thành phẩm công suất 500.000 tấn/năm.
- Tại Thủ Đức: Xây dựng mở rộng một trạm nghiền xi măng công suất 500.000 tấn/năm bên cạnh dây chuyền đã có.
- Tại Cần Thơ: Xây dựng kho trung chuyển kiêm phân phối xi măng 300.000 tấn/năm.

Thiết kế kỹ thuật với thiết bị công nghệ do hãng POLYSIUS cung cấp theo hợp đồng số 1262 ngày 15/3/1977. Các hạng mục khác, các công trình phụ trợ do Việt Nam thiết kế, xây dựng.

Ngày 13/4/1981, Bộ Xây dựng có quyết định số 555/BXD - TCCB phân chia Nhà máy xi măng Hà Tiên thành 2 đơn vị trực thuộc Liên hiệp các xí nghiệp xi măng là Nhà máy xi măng Thủ Đức (bao gồm các xưởng ở Thủ Đức và đoàn vận tải thủy), Nhà máy xi măng Kiên Lương.

Ngày 08/03/1983, Bộ Trưởng Bộ Xây dựng có quyết định số 322/BXD-TCCB về việc thành lập Nhà máy Liên hợp Xi măng Hà Tiên trên cơ sở hợp nhất Nhà máy xi măng Kiên Lương, Nhà máy xi măng Thủ Đức và Ban Quản lý công trình Xi măng Hà Tiên.

Ngày 18/01/1991, dây chuyền nung clinker phương pháp khô tại Kiên Lương được khánh thành và đi vào sản xuất.

Ngày 22/10/1992, dự án sản xuất xi măng thành phẩm công suất 500.000 tấn/năm kết thúc giai đoạn sản xuất thử và khánh thành.

Đến ngày 03/12/1992, Bộ Trưởng Bộ Xây dựng có Quyết định số 577/BXD-TCLĐ về việc thành lập Nhà máy xi măng Hà Tiên 2 trên cơ sở tách Nhà máy Liên hợp xi măng Hà Tiên thành 2 nhà máy xi măng là Nhà máy xi măng Hà Tiên I tại Thủ Đức (Thành phố Hồ Chí Minh) và Nhà máy xi măng Hà Tiên 2 tại Kiên Lương (Kiên Giang).

Đến ngày 12/3/1993 Bộ Xây dựng ra quyết định số 063A/BXD-TCLĐ thành lập lại doanh nghiệp Nhà nước Nhà máy xi măng Hà Tiên 2 trực thuộc Tổng Công ty xi măng Việt Nam.

Nhằm mục đích thực hiện luật doanh nghiệp Nhà nước, tăng cường quyền tự chủ trong sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp nên ngày 30/9/1993 Bộ Xây dựng ra quyết định số 443/BXD- TCLĐ, đổi tên Nhà máy xi măng Hà Tiên 2 thành Công ty Xi măng Hà Tiên 2.

Công ty Xi măng Hà Tiên 2 được cổ phần hóa theo Quyết định số 25/QĐ-XMVN của Tổng Công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam ngày 14/01/2008. Công ty Xi măng Hà Tiên 2 chính thức được đổi tên thành Công ty Cổ phần Xi măng Hà Tiên 2 theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 56-03-000124 do Sở Kế hoạch và đầu tư tỉnh Kiên Giang cấp ngày 01/02/2008.

b. ***Một số thành tích Công ty đã đạt được trong quá trình phát triển***

Trải qua thời gian dài phát triển, Công ty Cổ phần Xi măng Hà Tiên 2 đã đạt được những thành tích tiêu biểu sau:

- Ngày 22/3/1990 Hội đồng Nhà nước tặng thưởng Huân chương Lao động hạng ba cho tập thể CBCNV nhà máy xi măng Kiên Lương.
- Ngày 16/12/1993 Chủ tịch nước tặng Huân chương lao động hạng nhì cho tập thể CBCNV Công ty Xi măng Hà Tiên 2.
- Năm 2000 tập thể Cán bộ công nhân viên Phân xưởng Sản xuất chính được tuyên dương danh hiệu Anh hùng lao động thời kỳ đổi mới.
- Năm 2001 được Bộ Lao động Thương binh Xã hội tặng bằng khen phong trào đền ơn đáp nghĩa; Bộ Xây dựng tặng cờ thi đua hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ năm 2001.
- Năm 2002 được Tổng Liên đoàn Lao Động Việt Nam tặng bằng khen thành tích xuất sắc phong trào xanh sạch đẹp đảm bảo an toàn vệ sinh lao động.
- Năm 2003 được Chủ tịch nước tặng Huân chương lao động hạng nhất; Bộ Xây dựng tặng Huy chương vàng chất lượng cao.
- Năm 2004 được Thủ tướng Chính phủ tặng cờ thi đua thành tích hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ và phong trào thi đua năm 2004;
- Năm 2005 được Chủ tịch nước phong tặng danh hiệu Anh hùng lao động về thành tích đặc biệt xuất sắc trong phong trào lao động sáng tạo thời kỳ đổi mới (1996-2005);
- Năm 2006 được Thủ tướng Chính phủ tặng cờ thi đua thành tích 5 năm thực hiện luật phòng cháy chữa cháy.
- Năm 2007 được Thủ tướng Chính phủ tặng cờ thi đua vì thành tích hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ sản xuất kinh doanh và phong trào thi đua.

1.2. Giới thiệu về Công ty

- Tên Công ty: CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG HÀ TIÊN 2
- Tên tiếng Anh: HATIEN2 CEMENT JOINT STOCK COMPANY
- Tên giao dịch: HATIEN2.Co
- Tên viết tắt: HT2
- Logo:
- Vốn điều lệ: 880.000.000.000 VNĐ (Tám trăm tám mươi tỷ đồng)

Tương ứng với : 88.000.000 cổ phiếu phổ thông

- Trụ sở chính: Quốc lộ 80, ấp Lò Bom, thị trấn Kiên Lương, huyện Kiên Lương, tỉnh Kiên Giang.
- Điện thoại: (84-773) 853 004
- Fax: (84-773) 853 005
- Website: www.xmht2.com.vn
- Email: xmht2@vnn.vn
- Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh: số 56-03-000124 do Sở Kế hoạch và đầu tư tỉnh Kiên Giang cấp ngày 01/02/2008 và đăng ký thay đổi lần thứ 01 ngày 28/02/2008.
- Ngành nghề kinh doanh của Công ty:
  - Sản xuất xi măng;
  - Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao;
  - Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét;
  - Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác;
  - Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp;
  - Lắp đặt hệ thống xây dựng khác;
  - Vận tải hàng hoá bằng đường bộ;
  - Vận tải hàng hoá đường thuỷ nội địa;
  - Vận tải hàng hoá ven biển;
  - Bán buôn xi măng;
  - Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng;
  - Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng;
  - Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện: máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện;
  - Sửa chữa máy móc, thiết bị.

2. Cơ cấu bộ máy tổ chức

Công ty Cổ phần Xi măng Hà Tiên 2 được tổ chức và hoạt động tuân thủ theo Luật doanh nghiệp, các Luật khác có liên quan và Điều lệ Công ty được Đại hội cổ đông nhất trí thông qua.

❖ Trụ sở Công ty: Là nơi đặt nhà máy sản xuất, văn phòng làm việc của Ban Giám đốc và tất cả các phòng nghiệp vụ của Công ty.

Địa chỉ: Quốc lộ 80, ấp Lò Bom, thị trấn Kiên Lương, huyện Kiên Lương, tỉnh Kiên Giang.

Điện thoại: (84-773) 853 004 Fax: (84-773) 853 005.

❖ Các chi nhánh:

- Chi nhánh Công ty Cổ phần Xi măng Hà Tiên 2 tại thành phố Hồ Chí Minh: là một đơn vị trực thuộc Công ty cổ phần xi măng Hà Tiên 2, được sử dụng con dấu theo mẫu quy định, hạch toán báo sổ và được mở tài khoản tại ngân hàng theo quy định của Pháp luật.

  Địa chỉ: Số nhà 9-19 (Lầu 3) - Hồ Tùng Mậu, phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, thành phố Hồ Chí Minh.

  Điện thoại: (84-8) 8 290 324 Fax: (84-8) 8 293 170.

- Chi nhánh Công ty Cổ phần Xi măng Hà Tiên 2 – Trạm nghiền Long An: là một đơn vị trực thuộc Công ty cổ phần xi măng Hà Tiên 2, được sử dụng con dấu theo mẫu quy định và được mở tài khoản tại ngân hàng để giao dịch theo quy định của Pháp luật.

  Địa chỉ: Khu công nghiệp Long Định, xã Long Định, huyện Cần Đước, tỉnh Long An.

  Điện thoại: (84-72) 634 888 Fax: (84-71) 634 887

- Chi nhánh Công ty Cổ phần Xi măng Hà Tiên 2 – Xí nghiệp Tiêu thụ và dịch vụ: là một đơn vị trực thuộc Công ty cổ phần xi măng Hà Tiên 2, được sử dụng con dấu theo mẫu quy định và được mở tài khoản tại ngân hàng để giao dịch theo quy định của Pháp luật.

  Địa chỉ: Quốc lộ 80, ấp Lò Bom, thị trấn Kiên Lương, huyện Kiên Lương, tỉnh Kiên Giang.

  Điện thoại: (84-773) 853 057 Fax: (84-773) 853 747.

3. Cơ cấu bộ máy quản lý Công ty

Công ty Cổ phần Xi măng Hà Tiên 2 có bộ máy quản lý tổ chức theo mô hình Công ty cổ phần như sau:

Đại hội đồng cổ đông: Đại hội cổ đông cơ quan có quyền lực cao nhất của Công ty và tất cả các cổ đông có quyền bỏ phiếu đều được tham dự. Đại hội đồng cổ đông có các nhiệm vụ chính sau:

- Thông qua sửa đổi bổ sung điều lệ.

- Thông qua kế hoạch phát triển của Công ty, thông qua báo cáo tài chính hàng năm, báo cáo

của Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát và của các kiểm toán viên.

- Quyết định số lượng thành viên của Hội đồng Quản trị.

- Bầu, bãi nhiệm, miễn nhiệm các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và phê chuẩn việc Hội đồng Quản trị bổ nhiệm Giám đốc.

- Và các nhiệm vụ khác theo Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

Hội đồng Quản trị: Hội đồng Quản trị là cơ quan quản lý công ty gồm có bảy (07) thành viên do Đại hội đồng cổ đông bầu hoặc miễn nhiệm. Hiện tại Hội đồng quản trị của Hà Tiên 2 có 6 thành viên, khuyết một thành viên và sẽ được bầu bổ sung tại kỳ Đại hội cổ đông gần nhất. Hội đồng Quản trị là cơ quan quản lý cao nhất của Công ty, quản trị Công ty giữa hai kỳ Đại hội đồng cổ đông. Nhiệm kỳ của Hội đồng Quản trị hiện tại là từ năm 2008 đến năm 2012. Hội đồng Quản trị đại diện cho các cổ đông, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định mọi vấn đề liên quan đến mục đích, quyền lợi của Công ty, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

Ban Kiểm Soát: Ban Kiểm Soát bao gồm ba (03) thành viên, do Đại hội đồng cổ đông bầu ra. Nhiệm kỳ của Ban Kiểm Soát hiện tại là từ năm 2008 đến năm 2012. Ban Kiểm Soát có nhiệm vụ kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp trong điều hành hoạt động kinh doanh, báo cáo tài chính của Công ty. Ban Kiểm Soát hoạt động độc lập với Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc.

Giám đốc: Là người đại diện pháp nhân của công ty, chịu trách nhiệm và điều hành toàn bộ mọi hoạt động của công ty theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, HĐQT và pháp luật Nhà nước. Giám đốc kiêm chức vụ Giám đốc Ban quản lý dự án Hà Tiên 2.

Phó Giám đốc: Giám đốc phân công nhiệm vụ và ủy quyền cho các Phó Giám đốc công ty giải quyết một số công việc và trực tiếp quản lý phụ trách một đơn vị hoặc nhiều đơn vị trong công ty (gọi tắt là phụ trách khối/ hoặc lĩnh vực công tác); Phó Giám đốc chỉ đạo điều hành, kiểm tra, đôn đốc các đơn vị thuộc khối công tác phụ trách thực hiện chức năng, nhiệm vụ được giao và các quyết định, chỉ thị, chỉ đạo của Giám đốc. Theo phân công nhiệm vụ, Công ty sẽ có 03 Phó Giám đốc gồm: Phó Giám đốc Kỹ thuật, Phó Giám đốc Vật tư, Phó Giám đốc đầu tư kiêm Phó Giám đốc Ban Quản lý dự án Hà Tiên 2.

Các phòng ban: là những bộ phận trực tiếp điều hành công việc của Công ty theo chức năng chuyên môn, nhận sự chỉ đạo trực tiếp và tham mưu cho Giám đốc. Công ty có các phòng ban sau: Phòng tổ chức lao động, Phòng hành chính quản trị, Phòng kế toán – thống kê – tài chính, Phòng kế hoạch – Đầu tư, Phòng bảo vệ quân sự, Phòng công nghệ thông tin, Ban an toàn lao động, Phòng vật tư – Xuất Nhập khẩu, Phòng kỹ thuật cơ điện, Phòng kỹ thuật sản xuất, Phòng thí nghiệm KCS. Chức năng của các phòng ban được quy định như sau:

- **Phòng tổ chức lao động:** quản lý các công tác cơ cấu tổ chức, đào tạo, tiền lương, tiền công, bảo hiểm xã hội, nhân sự, thi đua khen thưởng, kỷ luật, thanh tra, pháp chế, bảo vệ chính trị nội bộ.

- **Phòng hành chính quản trị:** Tổ chức, quản lý công tác hành chính, quản trị của công ty; Quản lý và tổ chức thực hiện các dịch vụ công cho hoạt động của công ty; Thông tin liên lạc, nhà khách, nhà ăn tập thể, xe con và tiếp khách.

- **Phòng kế toán thống kê tài chính:** Quản lý công tác tài chính, lựa chọn, quản lý và sử dụng các nguồn vốn, tài sản; quản lý công tác kế toán, kế toán thuế và kế toán quản trị theo hệ thống quản lý của Công ty; quản lý công tác thống kê, tổ chức thu thập xử lý thông tin, lưu giữ dữ liệu hoạt động hiệu quả kinh doanh; tổ chức và quản lý công tác kiểm toán nội bộ.

- **Phòng kế hoạch đầu tư:** Định hướng mục tiêu, chiến lược phát triển của Công ty và lập kế hoạch sản xuất kinh doanh và đầu tư dài hạn, trung hạn, ngắn hạn; điều độ sản xuất và tổng hợp số liệu về mọi hoạt động của Công ty; quản lý công tác đầu tư xây dựng, sửa chữa công trình kiến trúc, nhỏ lẻ của Công ty; quản lý hợp đồng kinh tế; quản lý đất đai.

- **Phòng bảo vệ quân sự:** Quản lý lực lượng bảo vệ; bảo vệ tài sản; giữ gìn an ninh, trật tự, an toàn trong công ty; quản lý công tác Quốc phòng và lực lượng tự vệ của công ty; quản lý công tác phòng chống cháy nổ.

- **Phòng công nghệ thông tin:** Quản lý và triển khai các hoạt động về công nghệ thông tin, phục vụ công tác điều hành, quản lý, chỉ đạo sản xuất, kinh doanh của Công ty phù hợp với chiến lược phát triển công nghệ thông tin (CNTT) của Tổng Công ty công nghiệp xi măng Việt Nam và của nhà nước; quản trị phần cứng bao gồm: hệ thống máy chủ, hệ thống mạng diện rộng và các kênh truyền thông thuê riêng; quản lý phần mềm bao gồm: cơ sở dữ liệu, chương trình quản lý và xử lý dữ liệu, các dịch vụ tiện ích hệ thống mạng phù hợp với quy định của pháp luật; khai thác dữ liệu, kịp thời ổn định, an toàn và bảo mật.

- **Ban an toàn lao động:** Quản lý công tác bảo hộ lao động; quản lý công tác kỹ thuật an toàn lao động và phòng chống cháy nổ; quản lý môi trường.

- **Phòng vật tư xuất nhập khẩu:** Quản lý công tác cung ứng toàn bộ các loại vật tư, thiết bị, phụ tùng, nguyên, nhiên vật liệu cho hoạt động của Công ty, đảm bảo ổn định, hiệu quả, tuân thủ các quy định của Công ty và quy định của pháp luật; giao dịch, đánh giá và thiết lập hệ thống các nhà cung cấp hữu hiệu, lâu dài, và tin cậy nhất; quản lý công tác xuất nhập khẩu của công ty; tổ chức quản lý và sử dụng các phương tiện vận chuyển, kho vật tư, bến bãi có hiệu quả và khoa học.

- **Phòng kỹ thuật cơ điện:** Tham mưu cho Ban giám đốc quản lý trong lĩnh vực cơ điện, nhằm bảo đảm cho thiết bị hoạt động ổn định, an toàn và đồng bộ để thực hiện kế hoạch sản xuất, kinh doanh và mục tiêu chiến lược của công ty; tham mưu cho Ban Giám đốc trong công tác nghiên cứu, triển khai các đề án ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất, hiện đại hóa thiết bị của công ty.

- **Phòng kỹ thuật sản xuất:** Tham mưu cho Ban Giám đốc về các lĩnh vực: quản lý công nghệ sản xuất, chất lượng sản phẩm/ hàng hóa của Công ty; quản lý hệ thống chất lượng theo TCVN ISO 9001:2000; tham mưu cho Ban Giám đốc về việc ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật về xi măng vào công nghệ sản xuất của công ty và/hoặc nguyên cứu sản xuất sản phẩm mới.

- **Phòng thí nghiệm KCS:** Tổ chức, thực hiện công tác thí nghiệm, kiểm tra, kiểm soát chất lượng nguyên, nhiên vật liệu đầu vào phục vụ sản xuất, kinh doanh và sản phẩm xi măng, clinker của công ty; quản lý hoạt động của phòng thí nghiệm hợp chuẩn; hợp tác với các phòng thí nghiệm khác để nâng cao chất lượng và hiệu quả công việc; cung cấp cho Ban Giám đốc và các đơn vị liên quan các số liệu trung thực để điều hành sản xuất và đánh giá sản phẩm.

- **Trạm y tế:** Quản lý sức khỏe của CBCNV; quản lý vệ sinh lao động và phòng chống dịch bệnh; quản lý và thực hiện chế độ bảo hiểm y tế cho người lao động.

Các chi nhánh:

- **Chi nhánh Công ty Cổ phần Xi măng Hà tiên 2 – Xí nghiệp tiêu thụ và dịch vụ:** Tổ chức và phát triển thị trường, phát triển thương hiệu, xây dựng các kênh phân phối đa dạng phù hợp với quy định của pháp luật và thông lệ quốc tế; tổ chức quản lý và phát triển các mạng tiêu thụ sản phẩm mang tính đặc trưng và chuyên nghiệp; quản lý và thực hiện các dịch vụ bán hàng, lưu thông, phân phối sản phẩm.

- **Chi nhánh Công ty Cổ phần Xi măng Hà Tiên 2 –Trạm nghiền Long An:** có chức năng quản lý cơ sở vật chất, kỹ thuật và mọi nguồn lực được Công ty giao cho Trạm nghiền Long An quản lý; tổ chức thực hiện công tác kỹ thuật sản xuất xi măng đảm bảo chất lượng sản phẩm theo quy định của công ty; tổ chức vận hành, kiểm tra theo dõi hoạt động và tình trạng làm việc của các thiết bị trong dây chuyền sản xuất của Trạm nghiền Long An.

- **Chi nhánh Công ty Cổ phần Xi măng Hà Tiên 2 tại Thành phố Hồ Chí Minh:** Chi nhánh có các chức năng kinh doanh sau: Vận tải hàng hóa bằng đường bộ; vận tải hàng hóa thủy nội địa; vận tải hàng hóa ven biển; bán buôn xi măng; bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng; bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng.

Các ban quản lý dự án:

- **Ban quản lý dự án xi măng Hà Tiên 2:** thay mặt Công ty cổ phần xi măng Hà Tiên 2, tổ chức quản lý và thực hiện Dự án chuyển đổi nhiên liệu đốt từ dầu sang than, Dự án dây chuyền xi măng Hà Tiên 2.2 theo đúng các quy định của Nhà nước, của Tổng công ty công nghiệp Xi măng Việt Nam, của Công ty cổ phần xi măng Hà Tiên 2 đảm bảo hiệu quả nhất.

- **Ban quản lý trạm nghiền Hà Tiên 2 – Long An:** Tổ chức quản lý, triển khai thực hiện dự án đầu tư xây dựng Trạm nghiền xi măng Hà Tiên 2 – Long An tại khu công nghiệp Long Định, huyện Cần Đước, tỉnh Long An theo báo cáo nghiên cứu khả thi và kế hoạch đấu thầu dự án Trạm nghiền xi măng Hà Tiên 2 – Long An đã được phê duyệt.

Các phân xưởng :

- **Phân xưởng khai thác nguyên liệu:** Trực tiếp quản lý và vận hành khai thác nguyên liệu: đá vôi, đất sét cung cấp cho sản xuất clinker theo kế hoạch của công ty; trực tiếp quản lý, vận hành, bảo trì, sửa chữa thiết bị, phương tiện khai thác đá và khai thác đất.

- **Phân xưởng sản xuất chính:** Trực tiếp quản lý và khai thác, vận hành các công đoạn sản xuất Clinker từ hệ thống tiếp nhận nguyên nhiên vật liệu, phụ gia, xử lý, tồn trữ, nung luyện clinker và xuất clinker cho máy nghiền xi măng (phân xưởng xi măng) và khách hàng; tổ chức, quản lý, vận hành, bảo trì toàn bộ thiết bị được giao cho phân xưởng, thực hiện đầy đủ nội quy, quy trình, quy phạm về kỹ thuật an toàn, để duy trì thiết bị hoạt động ổn định cho năng suất cao, chất lượng tốt; quản lý, phối hợp tổ chức thực hiện Công tác sửa chữa thiết bị và thay gạch lò.

- **Phân xưởng xi măng:** trực tiếp quản lý và vận hành khai thác các công đoạn sản xuất xi măng từ tiếp nhận nguyên liệu clinker, thạch cao, pouzolan, nghiền đóng bao, xuất xi măng cho khách hàng; tổ chức, quản lý, vận hành, bảo trì toàn bộ thiết bị của công đoạn sản xuất xi măng, duy trì thiết bị hoạt động ổn định cho năng suất cao và chất lượng tốt; quản lý, phối hợp với các đơn vị chức năng tổ chức thực hiện sửa chữa định kỳ thiết bị thuộc đơn vị quản lý.

- **Phân xưởng năng lượng:** Trực tiếp quản lý, vận hành, bảo trì các hệ thống tiếp nhận điện lưới quốc gia 110KV và hệ thống các máy phát điện của công ty, bảo đảm phân phối điện có chất lượng cao nhất cho sản xuất, kinh doanh trong Công ty; trực tiếp quản lý, vận hành, bảo trì hệ thống cung cấp nước cho sản xuất kinh doanh và tiêu dùng trong công ty; trực tiếp quản lý, vận hành, bảo trì toàn bộ trang thiết bị, phương tiện công cụ được công ty giao quản lý; thực hiện (trực tiếp hoặc phối hợp) việc lắp đặt, sửa chữa và bảo trì thiết bị điện trong toàn công ty.

- **Phân xưởng cơ khí:** Thực hiện sửa chữa, lắp đặt thiết bị cơ khí cho các đơn vị trực thuộc Công ty; gia công chế tạo thiết bị, phụ tùng thay thế phục vụ công tác sửa chữa, lắp đặt thiết bị và dự phòng; quản lý, vận hành, bảo trì toàn bộ trang thiết bị, phương tiện, dụng cụ được công ty giao; thực hiện gia công, sửa chữa, lắp đặt thiết bị cho các đơn vị ngoài công ty khi có ký hợp đồng /hoặc Giám đốc yêu cầu.

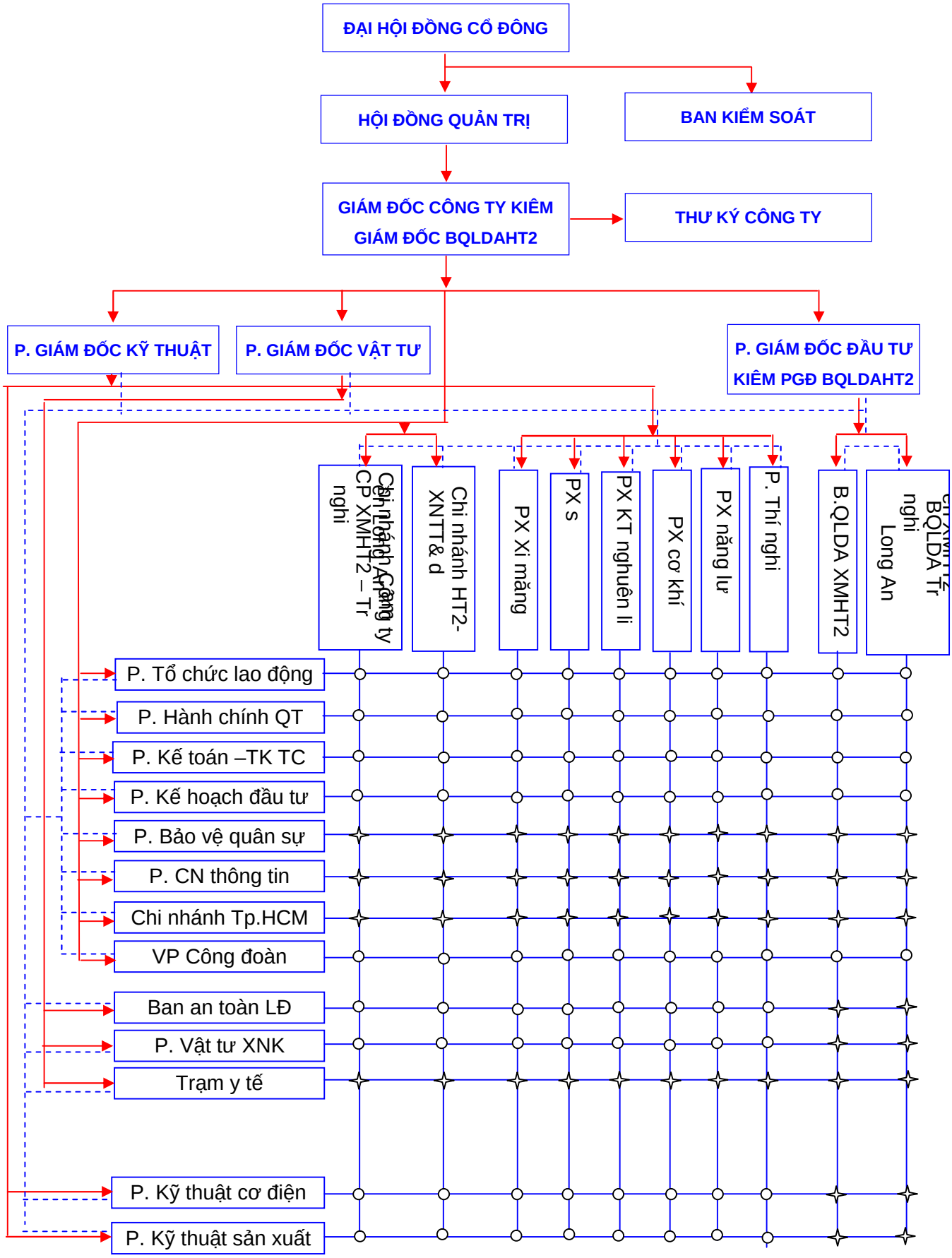
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
BAN KIỂM SOÁT
GIÁM ĐỐC CÔNG TY KIÊM GIÁM ĐỐC BQLDAHT2
THƯ KÝ CÔNG TY
P. GIÁM ĐỐC KỸ THUẬT
P. GIÁM ĐỐC VẬT TƯ
P. GIÁM ĐỐC ĐẦU TƯ KIÊM PGĐ BQLDAHT2
Chi nhánh Công ty CP XMHT2 – Tr nghi
Chi nhánh HT2-XNTT& d
PX Xi măng
PX s
PX KT nghuên li
PX cơ khí
PX năng lư
P. Thí nghi
B.QLDA XMHT2
BQLDA Tr nghi Long An
P. Tổ chức lao động
P. Hành chính QT
P. Kế toán –TK TC
P. Kế hoạch đầu tư
P. Bảo vệ quân sự
P. CN thông tin
Chi nhánh Tp.HCM
VP Công đoàn
Ban an toàn LĐ
P. Vật tư XNK
Trạm y tế
P. Kỹ thuật cơ điện
P. Kỹ thuật sản xuất
Ghi chú:
Đường chỉ đạo trực tuyến
Đường chỉ đạo gián tuyến
Điểm phối hợp nghiệp vụ
Điểm hỗ trợ

4. Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần (có quyền biểu quyết) của Công ty tại thời điểm 15/01/2009

a. Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần (có quyền biểu quyết) của Công ty tại thời điểm 15/01/2009

STT	Tên cổ đông	Địa chỉ	Số lượng cổ phần	TỈ LỆ (%)
1	**Cổ đông Nhà nước (*)** (Tổng Công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam), được đại diện bởi:	Số 228, Lê Duẩn, P. Trung Phụng, Q. Đống Đa, Hà Nội	60.874.951	69,18%
a	*Ông Lý Tân Huệ*	*Số 37 B, Phạm Ngọc Thạch, P.6, Q.3, thành phố Hồ Chí Minh*	*25.674.951*	*29,18%*
b	*Ông Trần Duy Sơn*	*34 Phan Đăng Lưu, P.6, Q.Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh*	*17.600.000*	*20,00%*
c	*Ông Cái Hồng Thu*	*Số C1-21 Khu phố 1, P.10, Q. Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh*	*4.400.000*	*5,00%*
d	*Ông Phạm Văn Thông*	*188/5/7B Tô Ngọc Vân – Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh*	*4.400.000*	*5,00%*
e	*Ông Nguyễn Quyết Chiến*	*Ấp Cư Xá, thị trấn Kiên Lương, huyện Kiên Lương, tỉnh Kiên Giang*	*4.400.000*	*5,00%*
f	*Ông Phạm Đức Trung*	*27A Trần Hưng Đạo, Hoàn Kiếm, Hà Nội*	*4.400.000*	*5,00%*
	TỔNG CỘNG		**60.874.951**	**69.18%**

(*) Theo quyết định số 174/QĐ – XNVN ngày 20/02/2008 của HĐQT Tổng Công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam về việc điều chỉnh tỷ lệ tham gia quản lý phần vốn Nhà nước của Tổng Công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam tại Công ty Cổ phần Xi măng Hà Tiên 2.

Và Quyết định số 884/QĐ-XMVN ngày 02/07/2008 của HĐQT Tổng Công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam về việc thay đổi đại diện quản lý phần vốn Nhà nước của Tổng Công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam tại Công ty Cổ phần Xi măng Hà Tiên 2.

b. Danh sách cổ đông sáng lập của Công ty

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 56-03-000124 đăng ký lần đầu ngày 01/02/2008, đăng ký thay đổi lần 2 ngày 28/02/2008 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Kiên Giang cấp, danh sách cổ đông sáng lập Công ty Cổ phần Xi măng Hà Tiên 2 như sau:

STT	Tên cổ đông	Địa chỉ	Số lượng cổ phần
1	Tổng Công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam	Số 228, Lê Duẩn, P. Trung Phụng, Q. Đống Đa, Hà Nội	60.874.951
2	Lý Tân Huệ	Số 37 B, Phạm Ngọc Thạch, P.6, Q.3, thành phố Hồ Chí Minh	2.650
3	Cái Hồng Thu	Số C1-21 Khu phố 1, P.10, Q. Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh	12.500
4	Ngô Chí Nhân	Số 23, đường Hoa Đào, P.2, Q. Phú Nhuận, thành phố Hồ Chí Minh	2.600
5	Nguyễn Quyết Chiến	Ấp Cư Xá, thị trấn Kiên Lương, huyện Kiên Lương, tỉnh Kiên Giang	4.400

c. Cơ cấu cổ đông của Công ty tại thời điểm 15/01/2009 như sau

STT	Cổ đông	Số cổ phần sở hữu (Cổ phần)	Tỷ lệ (%)
1	Trong nước	81.590.693	92,717%
2	Ngoài nước	6.409.307	7,283%
	Tổng	**88.000.000**	**100,000%**
1	Cá nhân	8.485.429	9,643%
2	Tổ chức	79.514.571	90,357%
	Tổng	**88.000.000**	**100,000%**

5. Danh sách những Công ty mẹ và Công ty con của tổ chức niêm yết

5.1. Danh sách Công ty nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối của Công ty Cổ phần Xi măng Hà Tiên 2

Tên cổ đông	Địa chỉ	Số lượng cổ phần	Tỷ Lệ (%)
Tổng Công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam	Số 228, Lê Duẩn, P. Trung Phụng, Q. Đống Đa, Hà Nội	60.874.951	69,18%

5.2. Danh sách Công ty mà Công ty Cổ phần Xi măng Hà Tiên 2 đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối: không có

6. Hoạt động kinh doanh

6.1. Các chủng loại sản phẩm, dịch vụ

Các sản phẩm của Hà Tiên 2 bao gồm: các loại clinker và xi măng

- Clinker CPC50, clinker bền sulfat và clinker theo yêu cầu của khách hàng.
- Xi măng PCB40: chủ yếu được dùng cho các công trình dân dụng. Xi măng hỗn hợp PCB40 có đặc tính xây tô vượt trội hơn các sản phẩm khác cùng loại (vữa xây tô có độ dẻo cao) nên được khách hàng ưa thích lựa chọn.
- Xi măng MS-PCB40 (xi măng bền sulfate phù hợp theo tiêu chuẩn ASTM C1157-type MS- moderate sulfate resistance): là loại xi măng bền sulfat được dùng cho các công trình có môi trường nhiễm phèn, nhiễm mặn, chống xâm thực.
- Xi măng xá và jumbo: dùng cho các công trình công nghiệp có qui mô lớn. Hướng phát triển tại các vùng trung tâm như: Thành phố Hồ Chí Minh, Long An, Cần Thơ, Long Xuyên, Mỹ Tho, Rạch Giá…
- Ngoài ra, Hà Tiên 2 còn sản xuất các loại xi măng tùy theo yêu cầu của khách hàng.

HÌNH ẢNH SẢN PHẨM CỦA CÔNG TY

Clinker CPC 50

Xi măng PC B40 VÀ $PC_{HS}40$

6.2. Sản lượng tiêu thụ, doanh thu từng nhóm sản phẩm, dịch vụ qua các năm

a. Sản lượng tiêu thụ từng nhóm sản phẩm qua các năm

Đơn vị tính : Ngàn tấn

Sản phẩm	Năm 2006				Năm 2007				Năm 2008 (**)			
	Sản xuất	Thuê gia công	Tổng sản lượng sản xuất	Tổng sản lượng tiêu thụ (*)	Sản xuất	Thuê gia công	Tổng sản lượng sản xuất	Tổng sản lượng tiêu thụ (*)	Sản xuất	Thuê gia công	Tổng sản lượng sản xuất	Tổng sản lượng tiêu thụ (*)
Clinker	1.045	-	1.045	181	1.050	-	1.050	209	1.253	-	1.253	320
Xi măng	959	177	1.136	1.138	977	141	1.118	1.121	1.028	93	1.121	1.121

Nguồn: Công ty Cổ phần Xi măng Hà Tiên 2

Ghi chú: (*) Clinker được Hà Tiên 2 sản xuất phục vụ cho nhà máy sản xuất xi măng, phần còn lại bán ra ngoài. Tổng sản lượng tiêu thụ là tổng sản lượng bán ra bên ngoài.

(**) Sản lượng được tính từ ngày 01/01/2008 đến 31/12/2008.

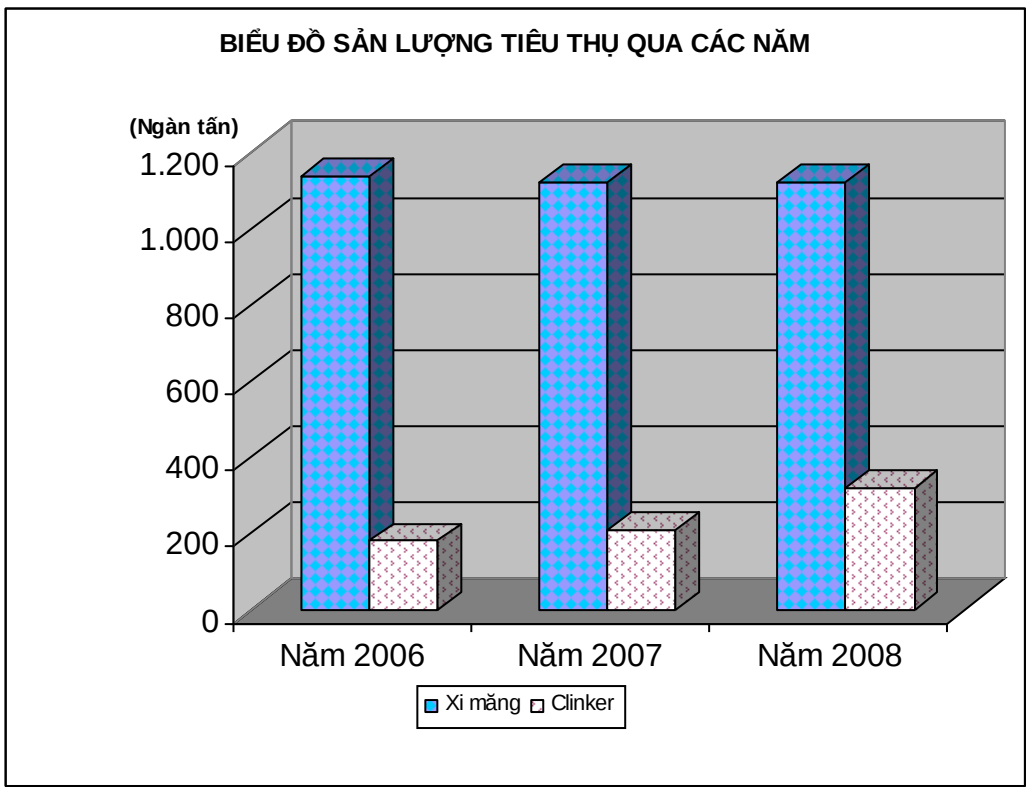

b. Doanh thu thuần từng nhóm sản phẩm, dịch vụ qua các năm

Đơn vị tính : Triệu đồng

Khoản mục	Năm 2006		Năm 2007		Từ 01/01/2008 đến 31/01/2008		Từ 01/02/2008 (*) đến 31/12/2008	
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng
Xi măng	904.434	88,01%	920.496	85,64%	81.432	79,01%	1.014.093	80,55%
Clinker	120.603	11,74%	148.060	13,77%	20.918	20,29%	234.498	18,63%
Dịch vụ khác	782	0,08%	4.343	0,40%	591	0,57%	6.766	0,54%
Hàng hóa khác	1.819	0,18%	1.987	0,18%	130	0,13%	3.540	0,28%
Tổng (**)	**1.027.638**	**100,00%**	**1.074.886**	**100,00%**	**103.072**	**100,00%**	**1.258.897**	**100%**

Nguồn :Công ty Cổ phần Xi măng Hà Tiên 2

Ghi chú:

(*) Hà Tiên 2 chính thức chuyển sang hoạt động dưới hình thức Công ty cổ phần kể từ ngày 01/02/2008

(**) Tổng doanh thu thuần từ hoạt động sản xuất kinh doanh

c. Lợi nhuận thuần từng nhóm sản phẩm, dịch vụ qua các năm

Đơn vị tính : Triệu đồng

Khoản mục	Năm 2006		Năm 2007		Từ 01/01/2008 đến 31/01/2008		Từ 01/02/2008 (*) đến 31/12/2008	
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng
Xi măng	74.746	106,19%	64.614	84,98%	7.655	70,14%	144.127	82,93%
Clinker	-674	-0,96%	9.235	12,15%	2.965	27,17%	25.442	14,64%
Dịch vụ khác	636	0,90%	909	1,20%	189	1,73%	1.470	0,85%
Hàng hóa khác	-4.321	-6,14%	1.277	1,68%	105	0,96%	2.762	1,59%
Tổng (**)	**70.387**	**100,00%**	**76.035**	**100,00%**	**10.914**	**100,00%**	**173.801**	**100%**

Nguồn :Công ty Cổ phần Xi măng Hà Tiên 2

Ghi chú:

(*) Hà Tiên 2 chính thức chuyển sang hoạt động dưới hình thức Công ty cổ phần kể từ ngày 01/02/2008

(**) Tổng lợi nhuận thuần từ hoạt động sản xuất kinh doanh

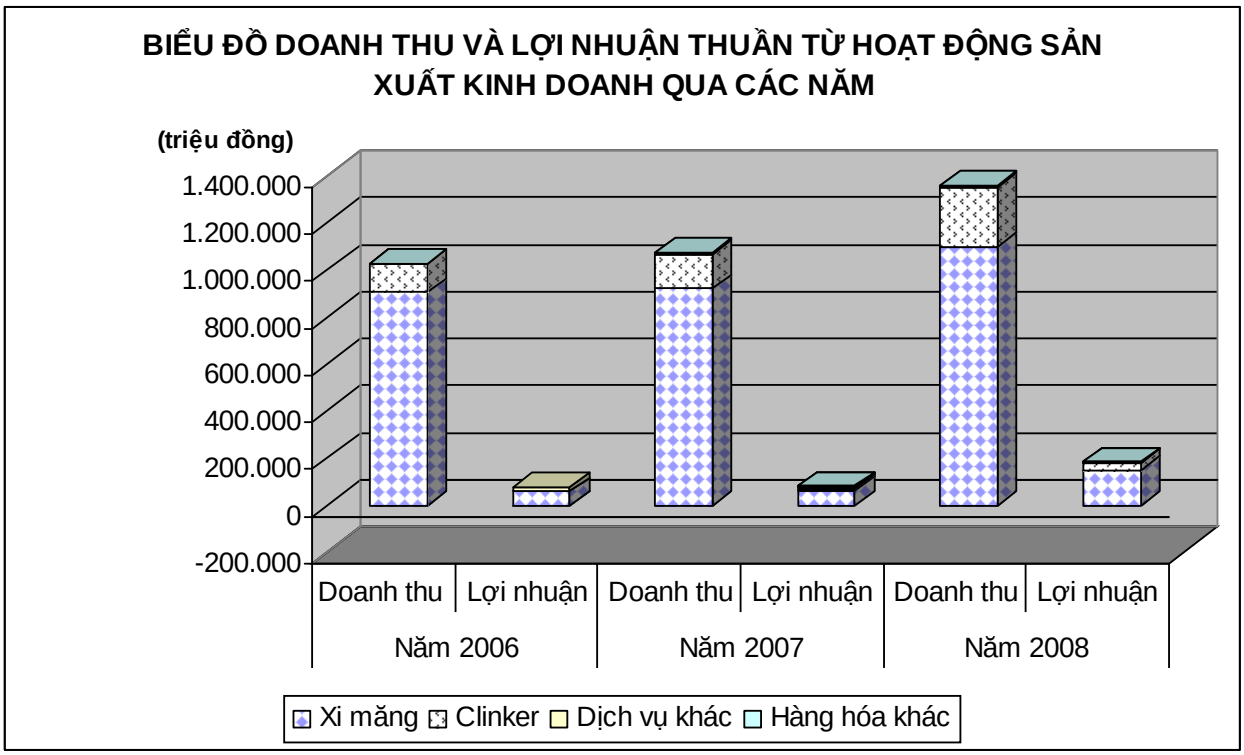

(Biểu đồ được thực hiện trên số liệu tổng hợp doanh thu và lợi nhuận thuần từ ngày 01/01/2008 đến 31/12/2008)

6.3. Nguyên vật liệu

a) Nguồn nguyên vật liệu

- ***Nguyên, nhiên, vật liệu sản xuất clinker***

❖ Nguyên liệu sản xuất clinker bao gồm: Đá vôi, đất sét, đất sét đỏ, cát.

– Đá vôi: là thành phần nguyên liệu chính chiếm khoảng 82% đến 85% thành phần nguyên liệu sản xuất clinker. Đá vôi được Hà Tiên 2 khai thác từ mỏ được cấp tại thị trấn Kiên Lương, huyện Kiên Lương, tỉnh Kiên Giang. Mỏ được cấp có trữ lượng lên tới 143 triệu tấn, đủ cung cấp cho Hà Tiên 2 thêm 50 năm nữa với điều kiện tổng sản lượng của nhà máy sau khi Dự án Hà Tiên 2.2 đi vào hoạt đông là 2,4 triệu tấn clinker/năm. Đây là lợi thế rất lớn của Hà Tiên 2 so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành vì Hà Tiên 2 là một trong số ít những đơn vị sở hữu mỏ đá vôi tại khu vực phía Nam.

- Đất sét: là thành phần nguyên liệu chính chiếm khoảng 12% đến 15% thành phần nguyên liệu sản xuất clinker. Đất sét được Hà Tiên 2 khái thác từ mỏ được cấp tại thị trấn Kiên Lương, huyện Kiên Lương, tỉnh Kiên Giang. Trữ lượng mỏ được cấp khoảng 40 triệu tấn, đủ cho nhà máy hoạt động thêm 100 năm nữa.

- Đá đỏ (Laterite): là nguyên liệu phụ chiếm khoảng 3% đến 5% thành phần nguyên liệu sản xuất clinker. Hà Tiên 2 được cấp mỏ tại Tân An - Đồng Nai có trữ lượng 3,7 triệu tấn, đủ cung cấp cho Hà Tiên 2 thêm 15 năm. Hiện mỏ này đang được Hà Tiên 2 thuê Công ty Cổ phần Sản xuất và Kinh doanh Vật liệu xây dựng khai thác và vận chuyển.

- Cát: là nguyên liệu phụ chiếm tỷ lệ nhỏ trong thành phần nguyên liệu sản xuất clinker. Cát được khai thác tại khu vực Đồng bằng sông Cửu Long. Cát cung cấp cho Hà Tiên 2 chủ yếu do các doanh nghiệp tư nhân khai thác từ các khu vực sông thuộc tỉnh An Giang, Vĩnh Long.

❖ Vật liệu sản xuất clinker bao gồm: Bi đạn nghiền, gạch chịu lửa, Soda Ash light (Na_2CO_3) và thủy tinh lỏng.

- Bi đạn nghiền: là vật liệu chính có tác dụng nghiền mịn nguyên liệu thành bột liệu sống trước khi đưa vào lò nung luyện clinker. Hà Tiên 2 hiện ký hợp đồng cung ứng dài hạn với các công ty cơ khí trong nước.

- Gạch chịu lửa: có tác dụng bảo vệ vỏ lò nung luyện clinker và giảm thất thoát nhiệt.

- Soda Ash light (Na_2CO_3): là vật liệu phụ có tác dụng giảm độ ẩm, tăng năng suất máy nghiền bùn phối liệu, có xuất xứ từ Trung Quốc do các đơn vị trong nước nhập khẩu về cung cấp cho Hà Tiên 2.

- Thủy tinh lỏng: là vật liệu phụ có tác dụng giảm độ ẩm, tăng năng suất máy nghiền bùn phối liệu do các công ty trong nước cung cấp.

❖ Nhiên liệu sản xuất clinker: Hiện Hà Tiên 2 đang sử dụng công nghệ lò nung luyện clinker bằng than hoặc dầu MFO. Than và dầu MFO được nhập từ các đơn vị trong nước.

- Dầu MFO: chủ yếu được nhập từ các đơn vị trực thuộc Tổng công ty xăng dầu Việt Nam. Hiện giá dầu MFO do Nhà nước quy định và phụ thuộc rất lớn vào giá xăng dầu Thế giới.

- Than cám: là nhiên liệu chính để nung luyện clinker với giá tính theo nhiệt trị chỉ bằng ¼ dầu MFO.

Nguyên vật liệu chính sản xuất xi măng

❖ Nguyên liệu chính sản xuất xi măng bao gồm: clinker, thạch cao, pouzolan và phụ gia đầy

– Clinker: là thành phần nguyên liệu chính chiếm khoảng 73% đến 75% thành phần xi măng. Như đã trình bày ở trên, với lợi thế sở hữu mỏ đá vôi trữ lượng lớn, Hà Tiên 2 hiện là một trong 2 đơn vị ở khu vực Đồng bằng Sông Cửu Long tự sản xuất clinker (đơn vị còn lại là Holcim) và là đơn vị duy nhất ở phía Nam tính đến thời điểm hiện nay bán clinker ra thị trường.

– Thạch cao: là nguyên liệu phụ chiếm khoảng 4% thành phần xi măng, có tác dụng điều chỉnh độ tinh khiết của xi măng. Hà Tiên 2 nhập thạch cao từ Thái Lan (trong nước không có nguồn). Ngoài nguồn từ Thái Lan còn có thạch cao Lào, Trung Quốc nhưng giá cao hơn. Hiện, Hà Tiên 2 nhập khẩu thông qua các đơn vị trong nước và giá chịu ảnh hưởng của biến động giá xăng dầu thế giới.

– Đá phụ gia Pouzolan: là nguyên liệu phụ chiếm khoảng 16,5% đến 17,5% thành phần xi măng, pouzolan được cung cấp theo hợp đồng dài hạn và chủ yếu từ mỏ đá Gia Quy, Bà Rịa – Vũng Tàu và Đồng Nai.

– Phụ gia đầy: là nguyên liệu phụ chiếm khoảng 4% đến 5% thành phần xi măng. Phụ gia đầy chủ yếu được Hà Tiên 2 nhập từ các doanh nghiệp trong nước.

❖ Vật liệu sản xuất xi măng bao gồm vỏ bao, chất trợ nghiền BAC, bi đạn nghiền.

– Vỏ bao chủ yếu được nhập từ các đơn vị trong nước có khả năng cung cấp ổn định, lâu dài tuy nhiên giá phụ thuộc vào giá hạt nhựa trên thị trường Thế giới.

– Chất trợ nghiền BAC: có tác dụng tăng năng suất máy nghiền xi măng do các đơn vị trong nước cung cấp.

– Bi đạn nghiền có tác dụng nghiền mịn xi măng do các đơn vị cơ khí trong nước cung cấp.

DANH SÁCH MỘT SỐ NHÀ CUNG CẤP NGUYÊN VẬT LIỆU CHO CÔNG TY:

Stt	Tên Công ty cung cấp nguyên liệu	Địa chỉ	Nguyên vật liệu cung cấp
1	Công ty Cổ phần Sản xuất và Kinh doanh Vật liệu xây dựng IDICO	KCN1 Nhơn Trạch - Đồng Nai	Đất sét đỏ
2	Công ty xây lắp An Giang	316 Trần Hưng Đạo – An Giang	Cát

Stt	Tên Công ty cung cấp nguyên liệu	Địa chỉ	Nguyên vật liệu cung cấp
3	DNTN Thanh Danh	P.5 – TX.Vĩnh Long	Cát
4	Công ty TNHH Xây dựng & Thương mại Châu Hưng	H.Châu Thành – Trà Vinh	Cát
5	Công ty Cổ phần Khoáng sản Minh Tiến	P.Bến Thành Q.1-Tp.HCM	Puozolan
6	Công ty Cổ phần Bao Bì Nhơn Trạch	KCN1 Nhơn Trạch - Đồng Nai	Vỏ bao
7	Công ty Cổ phần Liên doanh Bao Bì Hà Tiên	H.Kiên Lương – tỉnh Kiên Giang	Vỏ bao
8	Công ty Cổ phần Kinh doanh Thạch cao Xi măng	14 Đường Hà Nội - Tp.Huế	Thạch cao
9	Công ty Cổ phần Vật tư Vận tải Xi măng	Q.Đống Đa - Hà Nội	Than cám
10	Công ty TNHH Sản Xuất Thương mại Dịch vụ Hóa chất Thái Lai	P.8, Quân 5, Tp.HCM	Chất trợ nghiền BAC
11	Công ty Cổ phần SILICAT Tân Hà Việt	KCN Tân Bình - Tp.HCM	Thủy tinh lỏng
12	Nhà Máy Hóa chất Biên Hòa	KCN Biên Hòa 1 - Đồng Nai	Thủy tinh lỏng
13	Công ty Xăng dầu Khu Vực II	15 Lê Duẩn - Q.1-Tp.HCM	Xăng dầu các loại
14	Công ty xăng dầu Tây Nam bộ	21-Cách Mạng Tháng 8-Tp.Cần Thơ	Xăng dầu các loại
15	Xí nghiệp xăng dầu dầu khí Vũng Tàu	P. Thắng Nhất – Tp.Vũng Tàu	Xăng dầu các loại
16	Công ty TNHH NN MTV Cơ Khí Đông Anh	H.Đông Anh – Hà Nội	Bi đạn nghiền
17	Công ty Cổ phần Cơ Khí và Xây Lắp số 7 – COMA7	H.Thanh Trì – Hà Nội	Bi đạn nghiền

Nguồn :Công ty Cổ phần Xi măng Hà Tiên 2

DANH SÁCH MỘT SỐ CÔNG TY VỀ TINH GIA CÔNG CHO HÀ TIÊN 2:

STT	Công ty gia công xi măng	Địa chỉ
1	Công ty Cổ phần Xi măng Hà Tiên 2 - Cần Thơ	Km14, P.Phước Thới, Q.Ô Môn, Tp.Cần Thơ

2	Công ty Cổ phần Xi măng Kiên giang	Huyện Kiên Lương – Kiên giang
3	Trạm nghiền Xi Măng Cẩm Phả	KCN Mỹ Xuân A, H. Tân Thành
STT	**Công ty gia công Nghiền than**	**Địa chỉ**
1	Công ty TNHH Minh Huy	H.Kiên Lương – tỉnh Kiên giang
2	Công ty Cổ phần Xi măng Kiên giang	Huyện Kiên Lương – Kiên giang

Nguồn :Công ty Cổ phần Xi măng Hà Tiên 2

b) Sự ổn định của các nguồn cung ứng nguyên vật liệu

Như đã trình bày ở trên, ngoại trừ thạch cao phải nhập khẩu từ nước ngoài thì hầu hết nguyên vật liệu đầu vào còn lại đều được Hà Tiên 2 tự khai thác hoặc nhập từ các đơn vị trong nước với nguồn cung rất ổn định trong dài hạn.

Ngoài ra để bảo đảm ổn định sản xuất, Công ty đã xây dựng chính sách hàng tồn kho thích hợp, cho từng loại nguyên vật liệu.

c) Ảnh hưởng của giá cả nguyên vật liệu đến doanh thu và lợi nhuận

Các nguyên vật liệu chính để sản xuất clinker và xi măng được khai thác tại chỗ trên các mỏ được cấp nên giá đầu vào ít biến động do đó ảnh hưởng không đáng kể đến lợi nhuận của Hà Tiên 2.

Riêng nhiên liệu dầu và than cám chiếm khoảng 50% giá thành sản xuất clinker do đó biến động giá các nhiên liệu này có ảnh hưởng lớn đến lợi nhuận của Hà Tiên 2.

Đối với dầu, trong thời gian vừa qua, giá dầu biến động bất thường đã ảnh hưởng đến tình hình kinh doanh của Công ty.

Đối với than, nguồn cung cấp trong nước ổn định tuy nhiên giá phụ thuộc vào lộ trình điều chỉnh giá ngành than.

Nắm bắt được xu hướng trên, Hà Tiên 2 đã chủ động cải tạo trang thiết bị chuyển hướng sang đốt than thay dầu (với chi phí chỉ bằng ¼ nếu đốt dầu) đã góp phần giảm đáng kể giá thành sản phẩm. Đến tháng 10 năm 2008, dự án đốt than thay dầu hoàn tất nâng tỷ lệ đốt than thay dầu của cả hai dây chuyền hiện nay từ 80% lên 86%, Hà Tiên 2 sẽ tiết kiệm được một phần chi phí đáng kể và đảm bảo lợi nhuận.

Đồng thời, giá bán sản phẩm hiện còn chịu ảnh hưởng của chính sách điều hành vĩ mô của Nhà nước. Việc điều chỉnh chính sách giá bán thích hợp trong tương lai, chắc chắn sẽ góp phần nâng cao doanh thu và kết quả kinh doanh của Công ty.

6.4. Chi phí sản xuất

Tỷ trọng các khoản mục chi phí của Công ty so với doanh thu thuần như sau:

Đơn vị tính: triệu đồng

Khoản mục	Năm 2006		Năm 2007		Từ ngày 01/01/2008 đến ngày 31/01/2008		Từ 01/02/2008 (*) đến 31/12/2008	
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng
Giá vốn hàng bán	915.464	89,08%	926.918	86,23%	83.652	81,16%	980.901	77,92%
Chi phí bán hàng	23.676	2,30%	30.179	2,81%	1.591	1,54%	30.802	2,45%
Chi phí QLDN	33.039	3,22%	51.597	4,80%	7.772	7,54%	72.681	5,77%
Chi phí hoạt động tài chính	2.253	0,22%	3.364	0,31%	200	0,19%	17.191	1,37%
Tổng	**974.432**	**94,82%**	**1.012.058**	**94,15%**	**93.215**	**90,43%**	**1.101.576**	**87,50%**

Nguồn: báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2006, 2007 và báo cáo tài chính từ ngày 01/01/2008 đến 31/01/2008 và báo cáo tài chính từ ngày 01/02 đến ngày 31/12/2008

Ghi chú: (*) Hà Tiên 2 chính thức chuyển sang hoạt động dưới hình thức Công ty cổ phần kể từ ngày 01/02/2008

6.5. Trình độ công nghệ

a) Trang thiết bị sản xuất

- ***Trang thiết bị sản xuất clinker***

Đối với clinker, hiện được Hà Tiên 2 sản xuất theo 02 phương pháp: phương pháp khô và phương pháp ướt

❖ ***Công nghệ sản xuất clinker theo phương pháp ướt***

Hệ thiết bị này do hãng Venot-Pic của Pháp cung cấp gồm 2 lò quay 3,3/2,9/3,3 x L100 m đã liên tục hoạt động từ năm 1964, với công suất thiết kế 240.000 tấn clinker/năm. Dây chuyền công nghệ hệ ướt đã lạc hậu, phần lớn các thiết bị đã xuống cấp trong thời gian hoạt động lâu dài trên 40 năm, tiêu hao nhiên liệu cao, giá thành sản xuất cao, dù Công ty đã cải tạo giảm độ ẩm phối liệu xuống dưới 30%, giảm tiêu hao nhiên liệu. Hệ thống bao gồm một số thiết bị chính như:

Tên thiết bị	Chức năng của thiết bị	Năm sử dụng
Hệ thống máy nghiền bùn	Cung cấp đủ bùn phối liệu cho hai lò nung hệ ướt hoạt động. Bùn phối liệu cấp cho lò có độ ẩm khoảng 30%.	1964
Hệ thống lò nung clinker	Công suất thiết kế 240.000 tấn clinker/năm	1964

Từ tháng 07/2004, Công ty thực hiện đốt than thay dầu cho việc nung clinker hệ ướt với tỷ lệ đốt than tăng dần, cho đến cuối năm 2006 tỷ lệ đốt than đạt 100% góp phần rất lớn trong việc nỗ lực hạ giá thành sản phẩm của Công ty trong tình hình giá dầu MFO liên tục tăng như hiện nay. Tuy nhiên, công nghệ sản xuất clinker hệ ướt của công ty vẫn có chí phí sản xuất cao hơn nhiều so với công nghệ sản xuất clinker hệ khô vì :

- Tiêu hao nhiên liệu cao vì phải tốn một phần nhiệt năng cho quá trình sấy bay hơi nước ở bùn phối liệu (độ ẩm phối liệu 29-30%) và tốn một phần lượng nhiệt để hâm nóng gió hai dư cung cấp trong quá trình đốt;
- Tiêu hao điện năng trong sản xuất cao hơn vì lò dài, tải lớn, năng suất thấp.

Nhìn chung, năng suất lò quay sản xuất clinker theo phương pháp ướt của Hà Tiên 2 là tương đối nhỏ, chỉ khoảng 240.000 tấn clinker/năm. Tuy nhiên, đây lại là một lợi thế cho việc sản xuất các loại clinker và xi măng đặc biệt theo yêu cầu của khách hàng. Đặc biệt là với đặc điểm của nhiều vùng đất tại miền Nam là nhiễm phèn và mặn, nên khách hàng thường chọn các chủng loại xi măng đặc biệt như xi măng bền sulfate thường và cao, xi măng ít toả nhiệt... theo các tiêu chuẩn Việt Nam – TCVN, tiêu chuẩn Mỹ - ASTM, tiêu chuẩn Anh – BS...

Thời gian hữu dụng của hệ thống sản xuất clinker theo phương pháp ướt là đến năm 2011.

MỘT SỐ HÌNH ẢNH TRANG THIẾT BỊ CỦA CÔNG NGHỆ SẢN XUẤT CLINKER THEO PHƯƠNG PHÁP ƯỚT

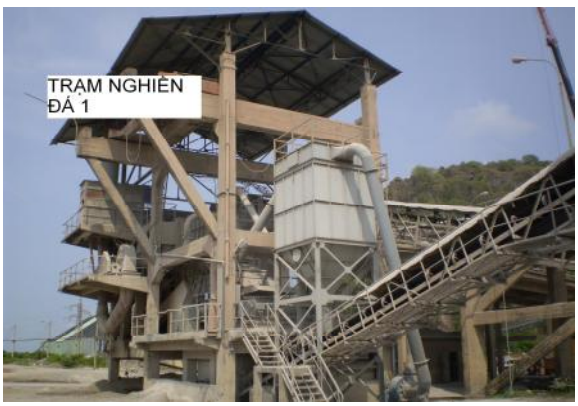

Trạm nghiền đá

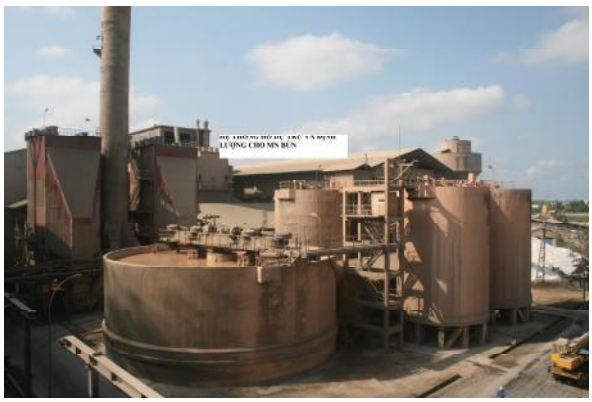

Hồ quậy và điều chế phối liệu bùn

Hệ thống lò nung Clinker hệ ướt

❖ ***Công nghệ sản xuất clinker theo phương pháp khô***

Hệ thống lò quay phương pháp khô có công suất thiết kế 900.000 tấn clinker/năm do hãng Polysius - Cộng hoà Pháp cung cấp thiết bị, hoạt động từ năm 1991 đến nay. Đây là thế hệ đầu của lò quay sản xuất clinker theo phương pháp khô công nghệ thập niên 70 thế kỷ trước, nên hệ thống thiết bị này còn nhiều nhược điểm hơn so với thế hệ lò quay hiện đại sau này như tiêu hao nhiên liệu và điện năng cao hơn, chi phí giá thành sản xuất cao… vì lò quay Công ty làm nguội theo kiểu hành tinh nên tải lò lớn, không tận dùng được lượng gió làm nguội clinker để cung cấp cho quá trình sấy bột liệu calciner ở tháp. Hệ thống bao gồm một số thiết bị chính như:

Tên thiết bị	Chức năng của thiết bị	Năm sử dụng
Hệ thống máy nghiền liệu	Cung cấp đủ bột phối liệu cho lò nung hệ khô hoạt động. Đây là hệ thống máy sấy nghiền liên hợp, độ ẩm liệu cấp cho lò nung < 1%. Vào tháng 10/2007, hệ thống được cải tạo thay thế hai phân ly tĩnh bằng hai phân ly động, cũng do hãng Polysius cung cấp.	1990
Tháp trao đổi nhiệt dopol	Đây là hệ thống tháp trao đổi nhiệt 4 tầng cyclone. Nhiệt độ liệu trước khi vào lò khoảng 850^0C	1991
Hệ thống lò nung clinker	Công suất thiết kế 900.000 tấn clinker/năm	1991
Hệ thống NEDO	Tận dụng nhiệt khí thải lò khô để chạy máy phát điện với công suất bình quân hiện nay là 2,8MWh. Hệ thống này góp phần cung cấp điện cho hệ thống lò nung của nhà máy hoạt động, làm giảm thiểu bụi và khí thải CO và NOx ra môi trường.	2002

Từ tháng 11/2006, tỷ lệ đốt than thay dầu tại lò nung clinker theo phương pháp khô được nâng dần và cho đến cuối năm 2007 tỷ lệ đốt than thay dầu đã đạt ở mức 70-75%. Từ tháng 9/2008 Công ty đưa dây chuyền nghiền than của Công ty vào hoạt động, lượng than mịn đủ cung cấp cho tất cả các lò nung clinker hoạt động, không phụ thuộc vào nguồn than mịn gia công nữa. Do đó tỷ lệ đốt than thay dầu tại các lò nung được ổn định hơn và đưa dần tỷ lệ đốt than lên 85%. So với công nghệ sản xuất tiên tiến như dây chuyền dự án Hà Tiên HT2.2 thì chi phí sản xuất sẽ cao hơn vì :

- Tiêu hao nhiệt lượng cho sản xuất hiện nay cao hơn dự án Hà tiên HT2.2 vì không tận dụng được một phần lượng gió hai làm nguội clinker để cung cấp cho quá trình sấy bột liệu calciner ở tháp (cụ thể tiêu hao ở lò 3 là 940 kcal/kg; còn dự án HT2.2 là 856 kcal/kg clinker);
- Còn chi phí đốt dầu FO ở tháp trao đổi nhiệt còn cao khoảng 15% tổng nhiệt lượng tiêu hao nên chí phí sản xuất còn cao;

Thời gian hữu dụng của hệ thống sản xuất clinker theo phương pháp khô hiện tại là đến năm 2025

MỘT SỐ HÌNH ẢNH TRANG THIẾT BỊ CỦA CÔNG NGHỆ SẢN XUẤT CLINKER THEO PHƯƠNG PHÁP KHÔ

Trạm nghiền đá

Khu vực khai thác và cung cấp nguyên liệu

Mỏ khai thác và tồn trữ đá vôi

Khu vực máy nghiền bột sống

Hệ thống tháp trao đổi nhiệt và lò nung Clinker hệ khô

- ***Thiết bị sản xuất xi măng:***

Hệ thống nghiền xi măng có công suất thiết kế ban đầu là 500.000 tấn xi măng/năm, nhưng sau nhiều lần cải tiến trang thiết bị, hiện hệ thống đang hoạt động đạt hơn 900.000 tấn xi măng/năm. Hệ thống do hãng Polysius - Cộng hoà Pháp cung cấp thiết bị, là loại máy nghiền bi, có chu trình kín, có hệ thống phân ly động, hệ thống vận chuyển bột xi măng thành phẩm bằng khí nén, máy nạp và đóng bao tự động. Hệ thống hoạt động tại Hà Tiên 2 từ năm 1992 đến nay và được đánh giá là khá hiện đại trong ngành sản xuất xi măng tại Việt Nam. Hệ thống bao gồm một số thiết bị chính như:

Tên thiết bị	Chức năng của thiết bị	Năm sử dụng
Máy nghiền xi măng	Công suất thiết kế 500.000 tấn xi măng/năm. Hiện đang sản xuất khoảng hơn 900.000 tấn xi măng/năm	1992
02 Máy đóng bao 08 vòi	Năng suất bình quân hơn 90 tấn xi măng/giờ/01 máy	2007

MỘT SỐ HÌNH ẢNH TRANG THIẾT BỊ CỦA CÔNG NGHỆ SẢN XUẤT XI MĂNG

Hệ thống đóng bao và xuất xi măng

Khu vực đóng bao xi măng

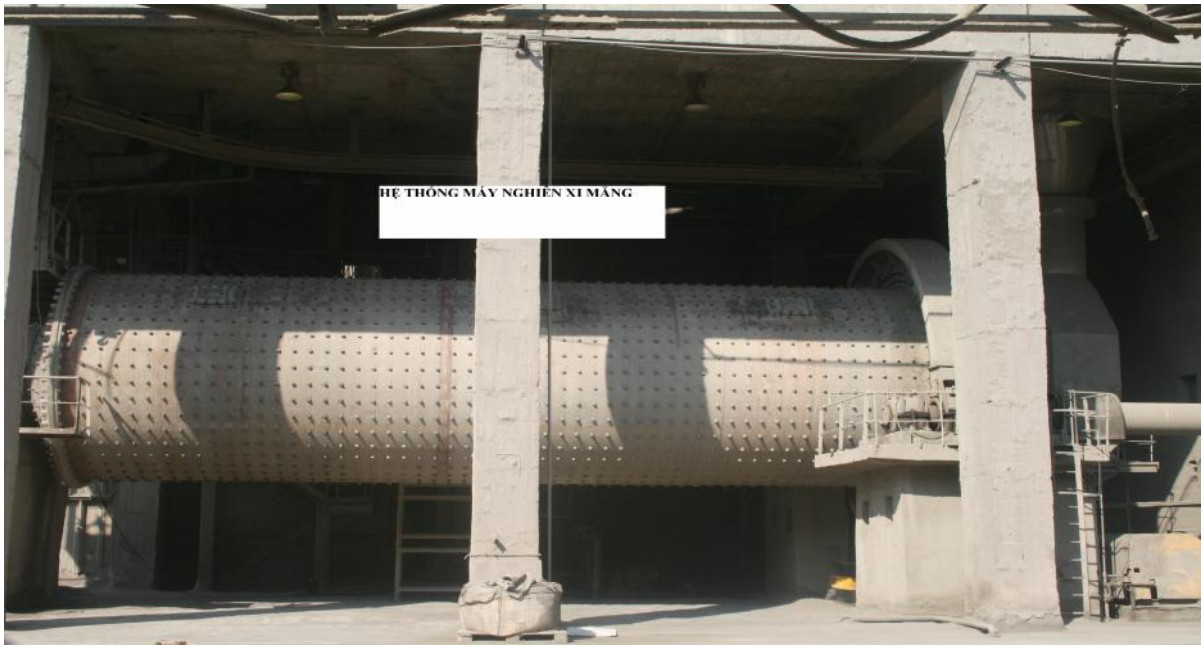

Máy nghiền xi măng là loại máy nghiền bi, chu trình kín

b) Một số máy móc thiết bị chính của Công ty Cổ phần Xi măng Hà Tiên 2 (tại thời điểm 31/12/2008)

Tên thiết bị	Công suất	Nước Sản xuất	Năm đưa vào sử dụng	Nguyên giá (Triệu đồng)	Giá trị khấu hao (Triệu đồng)	Giá trị còn lại (Triệu đồng)
Máy nghiền bùn xi măng	1600CV, 55 -75 Tấn/giờ	Pháp	1961	9.863	8.852	1.011
Lò nung CLINKER - I	412,5 Tấn/ngày	Pháp	1963	42.191	36.875	5.316
Lò nung CLINKER - II	412,5 Tấn/ngày	Pháp	1964	42.191	36.748	5.443
MT01 - Hệ thống lọc bụi tĩnh điện 82-1-82-2	5 Tấn/giờ	VN	07/2004	20.203	9.687	10.516
Hệ thống cối đập đá (KA 03)	450 Tấn/giờ	VN	1991	11.408	10.039	1.369
Hệ Thống băng tải + bel30 (HM)	130 Tấn/giờ, 2330m	VN	1991	26.008	22.193	3.814
Hệ thống băng tải	2340m	VN	1991	26.120	22.115	4.005
Định lượng bột sống	240 Tấn/giờ	Pháp	1991	5.493	4.888	604
Hệ thống nghiền bột sống	240 Tấn/giờ	Belize	1991	77.619	69.081	8.538

Tên thiết bị	Công suất	Nước Sản xuất	Năm đưa vào sử dụng	Nguyên giá (Triệu đồng)	Giá trị khấu hao (Triệu đồng)	Giá trị còn lại (Triệu đồng)
Cụm phân ly động máy nghiền bột sống	240 Tấn/giờ	Đức	12/2006	6.454	911	5.543
Lò nung CLINKER - III	3000 Tấn/ngày	Pháp	1991	165.388	147.196	18.193
Hệ thống Phát điện tận dụng khí thải lò 3	2974kw/h	Nhật	03/2002	45.557	39.953	5.604
Hệ thống nghiền xi măng	90 Tấn/ giờ	Pháp	1991	69.507	62.208	7.298
Khu vô bao,đóng bành,cảng	2x90 Tấn/giờ	VN	1991	31.516	27.892	3.624
Hệ thống xuất thủy xi măng bao	110 Tấn/giờ	Đức	12/1997	8.487	7.163	1.324
Hệ thống cung cấp xử lý nước	7800 m^3/ngày	VN	1991	18.484	15.404	3.081
MPD SGCM 12PCV/B	3840cv	Pháp	1964	8.000	6.968	1.032
Máy phát điện MAN 3.3 MW	3,3 MW	Đức	12/1998	20.748	18.258	2.490

c) Công tác bảo trì sửa chữa trang thiết bị sản xuất

Với đội ngũ cán bộ kỹ thuật và công nhân lành nghề, từ khâu sản xuất đến công tác đại tu sửa chữa lớn của dây chuyền hầu như do cán bộ - công nhân viên của Công ty tự đảm nhiệm, từ việc duy tu bảo dưỡng các thiết bị cơ – điện, đến công tác thay gạch lò, bảo ôn tháp trao đổi nhiệt,... đều được thực hiện đảm bảo chất lượng với tiến độ nhanh nhất, góp phần nâng hệ số thời gian hoạt động của hệ thống lò nung lên cao nhất, luôn ở mức lớn hơn 80% và hệ số thời gian hoạt động của hệ thống máy nghiền xi măng luôn ở mức lớn hơn 90%. Nhờ vậy đã góp phần đưa lò đạt và vượt năng suất thiết kế với các chỉ tiêu tiêu hao vật tư luôn thấp hơn định mức. Nhờ tăng được năng suất thiết kế và với hệ số thời gian hoạt động cao, nên tổng năng suất trong một năm luôn xấp xỉ gần một triệu tấn/năm, so với thiết kế là 500.000 tấn/năm thì hệ thống nghiền xi măng đã tăng năng suất lên được gần gấp đôi.

Công tác sửa chữa lớn được lập kế hoạch và tính toán chi phí cho sửa chữa lớn cho cả năm. Chi phí sửa chữa lớn cả năm của Công ty hiện nay chiếm khoảng 2,73% so với nguyên giá của toàn thiết bị và chiếm khoảng 3,4% so với giá vốn hàng bán.

Trong giai đoạn từ năm 2004 đến giữa năm 2008, do giá dầu tăng vọt mà Dự án đốt than thay dầu chưa đi vào hoạt động, nên hệ thống lò khô còn sử dụng khoảng 20-25% dầu làm

nhiên liệu nung clinker, dẫn đến giá thành clinker còn cao. Nên Công ty đã huy động thiết bị sản xuất clinker vừa đủ để sản xuất xi măng PCB40 và một phần clinker bán ra thị trường. Đến tháng 10 năm 2008, Dự án đốt than thay dầu hoạt động góp phần giảm giá thành clinker tại dây chuyền lò khô, từ đó nâng cao năng lực cạnh tranh với các công ty cùng ngành.

6.6. Tình hình nghiên cứu và phát triển sản phẩm mới

Việc nghiên cứu và phát triển sản phẩm mới do phòng Kỹ thuật sản xuất thực hiện trên cơ sở nhu cầu thị trường về chủng loại sản phẩm, khả năng tiêu thụ do bộ phận nghiên cứu thị trường đề xuất. Công tác nghiên cứu được tiến hành theo kế hoạch như nghiên cứu tính năng, công dụng, tiêu chuẩn sản phẩm phải phù hợp chế định và luật pháp và các điều kiện sản xuất của Công ty. Sau khi nghiên cứu sản phẩm đáp ứng được các yêu cầu, Công ty lập các thủ tục triển khai theo tiến trình của TCVN ISO 9001-2000.

Trong các năm qua, Hà Tiên 2 đã nghiên cứu sản xuất được các loại xi măng đặc biệt như:

- Năm 2004: xi măng bền sulfate thường và cao – PC_S, PC_{HS} theo TCVN 6067-1995;
- Năm 2005: xi măng bền sulfate – type II (moderate sulfate resistance), và type V (high sulfate resistance) theo ASTM C150-2002;
- Năm 2007: xi măng bền sulfate – type MS (moderate sulfate resistance) theo ASTM C1157-2002; và xi măng pooc lăng hỗn hợp bền sulfate – MS-PCB40 theo ASTM C1157-2002-type MS (moderate sulfate resistance) và TCVN 6260-1997;

6.7. Tình hình kiểm tra chất lượng sản phẩm và dịch vụ

a) Hệ thống quản lý chất lượng và chứng nhận chất lượng sản phẩm đang áp dụng

Hiện nay, Công ty áp dụng và duy trì hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001-2000 và các chứng nhận chất lượng sản phẩm

b) Quy trình sản xuất của Công ty:

Hà Tiên 2 hiện đang sử dụng công nghệ sản xuất clinker theo phương pháp ướt và phương pháp khô:

❖ Quy trình sản xuất clinker theo phương pháp ướt:

- Đất sét khai thác từ mỏ hệ khô, đổ vào hầm quậy bùn được máy bừa bùn đánh tơi và hoà trộn với nước để thành bùn sét có độ ẩm khoảng 67-70%, dùng bơm (năng suất 60-80m^3/h) bơm lên hồ chứa đất sét (gồm có 2 hồ mỗi hồ chứa 900 m^3). Trong hồ chứa có bộ phận cần khuấy có sục khí nhằm tránh cho đất sét bị phân tầng.

- Đá vôi được khai thác từ 2 mỏ Núi Trầu và Núi Còm bằng phương pháp khoan, nổ mìn. Sau đó, xúc đá tảng có kích thước ≤ 0,8m (bãi xúc cách cối 1-3 km) lên xe tải đổ vào phểu chứa, sau đó được băng tải thép đưa vào cối đập đá loại 1 rotor có năng suất 180 tấn/giờ. Đá sau khi đập có kích thước ≤ 25mm, được băng tải vận chuyển về kho chứa. Trên buồng máy đập đá có hệ thống lọc bụi cyclon lọc bụi nhằm tránh gây ô nhiễm môi trường.

- Đá đỏ được vận chuyển từ Đồng Nai về bằng xa lan, được cầu múc bốc chuyển vào kho chứa

- Các nguyên liệu gồm đá đỏ, đá vôi, đất sét được đưa vào máy nghiền có bơm pha soda, thuỷ tinh lỏng theo tỉ lệ thích hợp nhằm giảm độ ẩm bùn phối liệu (độ ẩm phối liệu < 30%). Bùn phối liệu ra khỏi máy nghiền xuống bể chứa 8 m^3 được bơm (44A,B) bơm đưa lên 2 hồ điều chế bùn phối liệu đạt yêu cầu rồi mới chuyển sang bồn tồn trữ để bơm cung cấp cho lò nung clinker.

- Quá trình nung luyện được thực hiện trong 2 lò nung có chiều dài 100m, đường kính 3,3/2,9m, tốc độ quay của lò 1,5 vòng/phút, năng suất bình quân của 2 lò 900 tấn /ngày. Dưới tác động quay và độ nghiêng 3% của lò hệ ướt phối liệu được đưa qua các vùng có nhiệt độ khác nhau để sấy khô, carbonat hoá, và khoáng hoá ở nhiệt độ từ 1400-1500^{0}C để tạo các khoáng của clinker. Clinker ra khỏi Zône nung được làm mát bằng hệ thống làm mát hành tinh gồm 10 lò con. Ra khỏi hệ thống làm mát, clinker được tháo qua sàng đập các cục lớn xong xuống xích cào 96A, B vận chuyển về kho chứa clinker. Khí thải ra khỏi lò được đưa qua hệ thống lọc bụi tĩnh điện MT01 thu hồi bụi đưa trở lại lò.

- Chất lượng clinker ra khỏi lò phụ thuộc vào chế độ gió, than và phối liệu... Người vận hành căn cứ vào các qui trình qui phạm và các giới hạn thông số hoạt động các thiết bị được thể hiện trên các đồng hồ đo của từng thiết bị để chọn một chế độ vận hành tối ưu, duy trì thiết bị máy móc chạy dài ngày, năng suất cao và chất lượng sản phẩm đạt yêu cầu.

❖ Quy trình công nghệ sản xuất Clinker theo phương pháp khô:

- Đá vôi, đất sét, đá đỏ, cát được khai thác tại các mỏ chung của công ty và mua ngoài sau đó được đưa vào kho chứa. Cả 04 nguyên liệu trên được băng tải chuyển về khu định lượng theo tỉ lệ nhất định để cung cấp cho máy nghiền. Sau khi định lượng, 04 nguyên liệu được đưa qua hệ thống máy nghiền sấy liên hợp (L/Φ= 11/5,2 m) theo chu trình kín, năng suất 240 T /h. Tác nhân sấy là khí thải từ lò có nhiệt độ khí vào < 300^{0}C và ra < 110^{0}C, phối liệu ra máy nghiền có độ ẩm < 1%, lượng sót được sàng qua sàng 0,08 mm và 0,2 mm là <12 % và <1%. Toàn bộ bột ra khỏi máy nghiền được quạt hút (KM 02) 550.000 m^3/h đưa vào lọc bụi tĩnh điện (KM 01) (78 KW - 150^{0}C - CO < 0,5%), Trước khi qua lọc bụi những hạt thô được giữ lại ở phân ly tĩnh và hồi lưu về máy nghiền. Bụi sau

khi lọc ở lọc tĩnh điện được đưa về bình bơm nhờ máng cào và bơm bột vào silô đồng nhất, tại đây tiến hành đồng nhất nhờ bộ phận sục khí ở dưới đáy silô, bột sau khi đồng nhất, các thông số phối liệu đạt yêu cầu được rút xuống silô tồn trữ nhờ hệ thống máng khí động. Từ silô tồn trữ, bột được chuyển xuống hệ thống cân định lượng và nhờ bình bơm chuyển bột vào tầng trên của tháp trao đổi nhiệt. Trong suốt quá trình trao đổi nhiệt, bột phối liệu được sấy nóng và tiến hành phân hủy gần như hoàn toàn để tạo ra các ô xít chính CaO, Fe_2O_3, SiO_2, Al_2O_3. Phối liệu bắt đầu vào lò có nhiệt độ 850-900^{0}C tiếp tục phân hủy phần còn lại. Dưới tác động quay và độ nghiêng của lò 3,5% phối liệu di chuyển theo toàn bộ chiều dài lò 60 m và dưới tác dụng của nhiệt ở vùng nung khoảng 1450^{0}C tạo ra các khoáng chính, quyết định chất lượng clinker là C_3S, C_2S, C_3A, C_4AF. Clinker từ lò chính xuống hệ thống lò con được làm nguội nhanh nhờ không khí bên ngoài được hút vào do quạt hút. Sau khi ra khỏi lò con, clinker được đưa vào cối đập những hạt có kích thước >60 mm để đạt kích thước <30 mm và chuyển xuống hệ thống gầu tải chuyển về kho đổ ở 3 đống khác nhau theo chiều dài.

- Nhiên liệu dùng cho nung luyện là than và một phần dầu MFO. Quạt hút 525.000 m^3/h (KK 15) bố trí sau tháp trao đổi nhiệt hút không khí đi từ các lò con, cung cấp không khí cho quá trình cháy trong lò. Khí thải ra khỏi tháp có nhiệt độ < 400^{0}C đưa máy nghiền sấy nguyên liệu. Toàn bộ khí thải vận chuyển bột sống phối liệu được thu hồi hoàn toàn tại hệ thống lọc bụi điện KM01 trước khi khí thải ra ống khói.
- Căn cứ vào các qui trình qui phạm và các giới hạn thông số vận hành của từng thiết bị, phạm vi hoạt động an toàn và tối ưu như nhiệt độ, áp lực, dòng ampe, tốc độ quay của lò, thành phần khí (CO, O_2) v.v..., người vận hành có trách nhiệm vận hành thiết bị đúng qui trình để sản xuất clinker đạt chất lượng và an toàn thiết bị.

❖ Qui trình sản xuất xi măng:

- Nguyên liệu chính sản xuất xi măng là clinker, thạch cao, phụ gia puzolan, phụ gia đầy. Nguyên liệu được đưa vào 4 phễu chứa nhờ băng tải và cầu múc. Nguyên liệu được định lượng theo tỷ lệ nhất định bằng hệ thống cân băng định lượng rồi đưa vào máy nghiền bi 2 ngăn (L/Φ= 14/4,2 m) nghiền theo chu trình kín. Xi măng ra khỏi máy nghiền đưa xuống gầu nâng đưa về phân ly động, phần hạt thô hồi lưu về máy nghiền, phần hạt mịn (<15 % trên sàng 0,08 mm) được đưa về bình bơm nhờ các máng trượt khí động chuyển xi măng về silô chứa. Từ silô xi măng chuyển xuống gầu nâng đến sàng rung đưa về máy vô bao, từ máy vô bao xi măng được vô bao và chuyển xuống theo 3 đường: máy đóng bành, xuất cầu xuống ô tô, xuất thuỷ.

Tất cả quá trình sản xuất của Công ty đều vận hành theo chế độ tự động điều khiển từ Trung tâm.

SƠ ĐỒ DÂY CHUYỀN SẢN XUẤT CLINKER

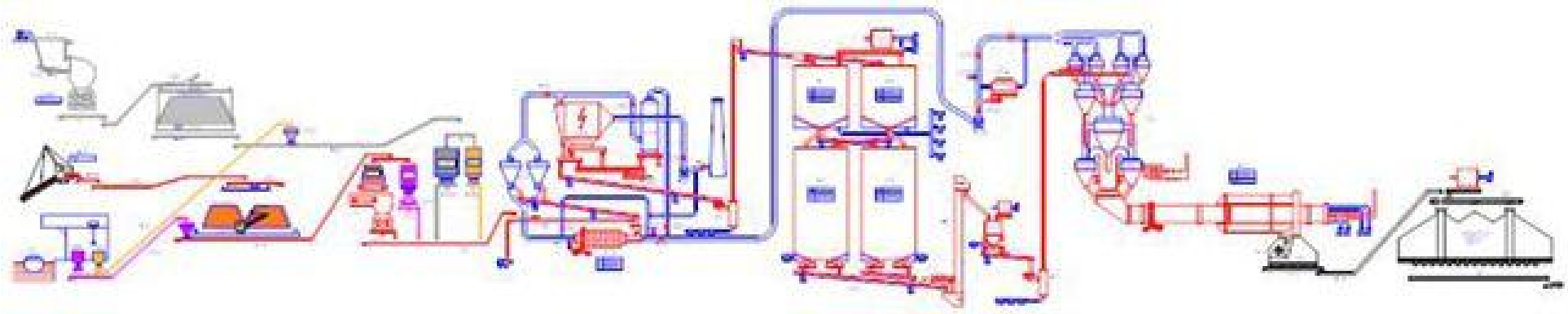

SƠ ĐỒ DÂY CHUYỀN SẢN XUẤT XI MĂNG

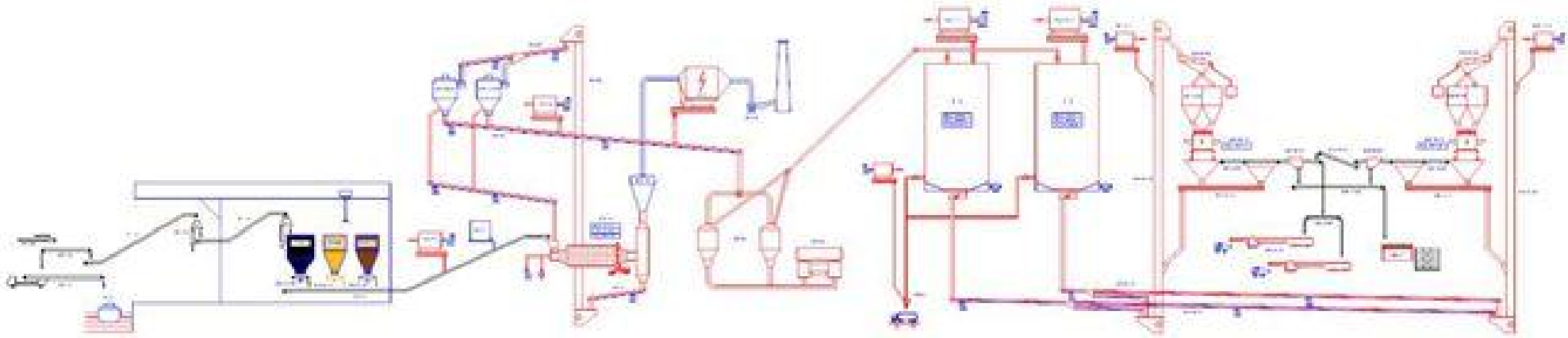

c) Quy trình kiểm tra chất lượng sản phẩm

Quá trình kiểm tra chất lượng sản phẩm tuân thủ theo các quy trình, hướng dẫn của Công ty, đảm bảo từ khâu nhập nguyên liệu đến các loại sản phẩm xuất xưởng mang thương hiệu Hà Tiên 2 đều thoả mãn các chỉ tiêu trong các tiêu chuẩn đã được đăng ký cho mỗi loại sản phẩm.

Với nguyên nhiên vật liệu mua ngoài, Công ty khảo sát nguồn nguyên liệu phải đạt yêu cầu về chất lượng, giá, khả năng cung ứng, các cam kết của nhà cung cấp, khi đạt yêu cầu của Công ty thì tiến hành đàm phán ký hợp đồng với đối tác. Nguyên nhiên vật liệu nhập đến bến sẽ được kiểm tra theo đúng quy trình hệ thống quản lý chất lượng trước khi nhập kho.

Với nguyên liệu được khai thác từ các mỏ do Công ty quản lý được kiểm soát chất lượng trong quá trình khai thác, trước khi đưa vào sử dụng.

Với bán thành phẩm trong Công ty và thành phẩm xuất khỏi Công ty, được lấy mẫu để kiểm soát chất lượng, định lượng ở đầu vào và đầu ra của thiết bị tạo sản phẩm, và được kiểm soát lại ngay tại thiết bị xuất hàng của Công ty hoặc phương tiện nhận hàng của khách hàng.

Clinker ra lò hàng giờ được nhân viên Phòng Thí nghiệm KCS lấy mẫu kiểm tra dung trọng và hàm lượng CaO tự do của clinker (bằng máy phân tích Xray hiện đại, thời gian lấy mẫu, gia công và phân tích không quá 10 phút). Khi dung trọng thấp hoặc hàm lượng CaO tự do > 1,5% thì nhân viên vận hành lò tiến hành tách lượng clinker này khỏi kho clinker chính phẩm và xử lý lò để chất lượng clinker trở lại bình thường, đạt yêu cầu kỹ thuật mới chuyển đổ lại kho chính phẩm. Khi xuất bán cho khách hàng, clinker chỉ xuất tại kho chính phẩm, nên không có sản phẩm không phù hợp xuất cho khách hàng.

d) Bộ phận kiểm tra chất lượng sản phẩm

Việc kiểm tra chất lượng sản phẩm từ khâu nhập nguyên vật liệu, đến khi tạo sản phẩm do phòng Thí nghiệm - KCS của Công ty đảm nhận. Phòng thí nghiệm này đạt chuẩn ISO/IEC 17025 và được văn phòng Công nhận Chất lượng Việt Nam cấp dấu VILAS số 57.

6.8. Hoạt động Marketing

a) Hoạt động quảng cáo

Trong các năm qua, Hà Tiên 2 đã và đang triển khai các chương trình quảng cáo sản phẩm như:

- Xây dựng pano quảng cáo ngoài trời, trang bị bảng hiệu cho các cửa hàng.
- Phát sóng các chương trình quảng cáo trên các đài truyền hình khu vực Đồng bằng sông Cửu Long, quảng cáo trên các báo trong thời gian ngắn hạn. Do sản lượng sản

xuất của Công ty chưa đáp ứng đủ nhu cầu của thị trường khu vực, nên Công ty chỉ thực hiện các chương trình quảng cáo, khuyến mãi tại khu vực Đồng bằng sông Cửu Long và chủ yếu để khuyến khích người tiêu dùng trong các tháng mùa mưa.

- Thực hiện các chương trình tiếp thị đến các cửa hàng vật liệu xây dựng.
- Tổ chức hội nghị khách hàng cho các đại lý cấp 2, tổ chức hội nghị cho các nhà phân phối.

b) Hoạt động nghiên cứu thị trường

- Nghiên cứu nhu cầu của thị trường:
  + Nghiên cứu tốc độ tăng trưởng nhu cầu của thị trường xi măng.
  + Nghiên cứu và phân loại từng đối tượng tiêu dùng xi măng.
  + Nghiên cứu về thị phần, độ phủ của sản phẩm xi măng Hà Tiên 2.
  + Nghiên cứu sở thích thói quen của người tiêu dùng về từng chủng loại sản phẩm xi măng và các sản phẩm sau xi măng.
- Nghiên cứu các chính sách kinh doanh của các đối thủ cạnh tranh
- Nghiên cứu để phát triển các kênh phân phối sản phẩm

c) Khuyến mại

Trong thời gian qua, Hà Tiên 2 áp dụng các chính sách khuyến mại tiêu thụ cho các nhà phân phối thực hiện đạt chỉ tiêu kế hoạch đã cam kết trong hợp đồng. Ngoài ra, Công ty đã áp dụng chính sách khuyến mại bằng xi măng cho tất cả các nhà phân phối nhận hàng tại các điểm xuất bán hàng của Công ty. Chính sách này được áp dụng linh hoạt hàng tháng tuỳ theo diễn biến của thị trường. Nhà phân phối tiêu thụ mạnh sẽ được hưởng khuyến mại cao. Việc áp dụng các chính sách khuyến mại đã tác động trực tiếp đến việc tăng sản lượng bán ra của Công ty.

Hàng năm, Công ty còn có các chương trình khuyến mãi cho người tiêu dùng bằng các tặng phẩm như: Áo thun, nón, sổ, viết, áo đi mưa, nón bảo hiểm…

d) Chính sách giá bán

Giá bán của Công ty bảo đảm tính cạnh tranh, phù hợp với cung cầu của thị trường, đảm bảo lợi nhuận và chính sách điều hành kinh tế vĩ mô của Nhà nước (hiện nay, giá bán xi măng của Hà Tiên 2 tương đương với các đơn vị khác cùng ngành như Holcim, Nghi Sơn). Theo lộ trình tăng giá các mặt hàng chủ yếu như điện, than, xăng, dầu… làm ảnh hưởng

đến giá thành sản xuất của Hà Tiên 2 nên dự kiến sẽ có thay đổi giá bán để bù đắp chi phí đầu vào đồng thời phù hợp với mặt bằng giá chung trên thị trường.

e) Hệ thống phân phối

Hiện nay, sản phẩm của Hà Tiên 2 chủ yếu tiêu thụ ở trong nước, tập trung ở các tỉnh Đồng bằng sông Cửu Long như Long An, Tiền Giang, Bến Tre, Vĩnh Long, Trà Vinh, Cần Thơ, Hậu Giang, Sóc trăng, Bạc Liêu, Cà Mau, Đồng Tháp, An Giang, Kiên Giang... và Thành phố Hồ Chí Minh. Tại khu vực Đồng bằng sông Cửu Long, thương hiệu Hà Tiên 2 là một trong những thương hiệu xi măng nổi tiếng và là sự lựa chọn hàng đầu của người tiêu dùng kể từ năm 1964. Thị phần của Công ty năm 2007 tại khu vực Đằng bằng sông Cửu Long khoảng 26,7%.

Sản phẩm của Hà Tiên 2 được tiêu thụ thông qua các nhà phân phối chính theo địa bàn và một phần bán trực tiếp cho các dự án lớn (nếu có). Hiện nay, Hà Tiên 2 đã xây dựng được hệ thống 36 nhà phân phối tại các tỉnh thành phía Nam, các nhà phân phối chỉ được bán đúng khu vực đã cam kết. Mỗi tỉnh Công ty có từ 2 - 4 nhà phân phối. Riêng nhà phân phối cấp 2, Hà Tiên 2 cùng phối hợp với nhà phân phối chính để thực hiện cam kết và dịch vụ sau bán hàng. Áp dụng hệ thống phân phối trên, Hà Tiên 2 đã tận dụng được các nguồn lực của các nhà phân phối như các loại phương tiện vận chuyển, giá vận chuyển, kho để phân phối hàng đi khắp địa bàn.

6.9. Nhãn hiệu hàng hóa và đăng ký bảo hộ

Bao gồm các nhãn hiệu sau .

Đã được Cục Sở hữu trí tuệ cấp Giấy đăng ký nhãn hiệu hàng hóa số 57608 theo Quyết định số A6942/QĐ-ĐK ngày 29/09/2004 có hiệu lực từ ngày cấp đến hết 10 năm tính từ ngày nộp đơn (có thể gia hạn)

Đã được Cục Sở hữu trí tuệ cấp Giấy đăng ký nhãn hiệu hàng hóa số 41761 theo Quyết định số 2251/QĐ-ĐK ngày 25/06/2002 có hiệu lực từ ngày cấp đến hết 10 năm tính từ ngày nộp đơn (có thể gia hạn)

6.10. Các Hợp đồng lớn đang thực hiện hoặc đã ký kết

Một số Hợp đồng cung ứng nguyên vật liệu và cung cấp sản phẩm tiêu biểu của Công ty được liệt kê trong bảng sau:

I	HỢP ĐỒNG CUNG ỨNG NGUYÊN VẬT LIỆU				
STT	**Khách hàng**	**Số hợp đồng**	**Ngày ký**	**Sản phẩm**	**Giá trị hợp đồng (Triệu đồng)**
1	Công ty Cổ phần Khoáng sản Minh Tiến	07044	28/12/07	Đá pouzolan	2.843
2	Công ty Cổ phần Sản Xuất & Kinh doanh Vật liệu xây dựng IDICO	08004	07/01/08	Khai thác và vận chuyển đất sỏi đỏ	980
3	Công ty Liên doanh Bao bì Hà Tiên	08001	02/01/08	Vỏ bao xi măng PK	10.886
4	Công ty Cổ phần Kinh doanh Thạch cao xi măng	08011	14/01/08	Thạch cao	4.529
5	Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Hóa Chất Thái Lai	08031	02/02/08	Chất trợ nghiền BAC	588
6	Công ty Cổ phần Silicat Tân Hà Việt	08007	10/01/08	Thủy tinh lỏng	277
7	Công ty Cổ phần Cơ khí & Xây lắp số 7	07025	06/02/08	Bi đạn (Bi cầu Φ 20)	826
8	Công ty Vật tư Công nghiệp Quốc phòng	07046	28/12/07	Vật liệu nổ (TNP1 Φ 90)	981
9	Công ty Cổ phần Vật tư Vận tải xi măng	08012	14/01/08	Than cám 3bHG	26.656
10	Công ty Xăng dầu Khu vực II	08047	01/02/08	Dầu MFO	11.918
11	Công ty Xăng dầu Tây Nam Bộ	08056	12/03/08	Dầu ADO	5.468
12	Công ty Xăng dầu Tây Nam Bộ	07005	05/02/08	Xăng M92 KC	58
13	Công TNHH Castrol BP Petco	08042	01/02/08	Nhớt các loại	213
14	Công ty TNHH Vũ Minh	08033	29/01/08	Mỡ các loại	789
15	Nhà máy vật liệu chịu lửa Thái Nguyên	08013	01/02/08	Gạch chịu lửa	5.485

II	HỢP ĐỒNG CUNG CẤP SẢN PHẨM				
STT	**Khách hàng**	**Số hợp đồng**	**Thời hạn hợp đồng**	**Sản phẩm**	**Giá trị hợp đồng (Triệu đồng)**
1	Công ty Cổ phần Vật liệu Xây dựng Bến Tre	06/TC-BLNH/2008/XMHT2	31/12/08	Xi măng	60.839
2	Công ty Lương thực Tiền Giang (Xí nghiệp Lương thực Bến Tre)	07/TM/2008/XMHT2	31/12/08	Xi măng	76.049
3	DNTN Minh Hải – Cà Mau	10/TM/2008/XMHT2	31/12/08	Xi măng	55.031
4	Công ty Cổ phần Trang Trí	13-02/TM/2008/XMHT2	31/12/08	Xi măng	58.719
5	Công ty TNHH Mỹ Hòa – Kiên Giang	14-02/TM/2008/XMHT2	31/12/08	Xi măng	83.976
6	Công ty Xăng dầu Tiền Giang	15/TM/2008/XMHT2	31/12/08	Xi măng	67.384
7	DNTN Đồng Tâm – Tiền Giang	17-01/TM/2008/XMHT2	31/12/08	Xi măng	67.384
8	DNTN Misa – Long An	22/TM/2008/XMHT2	31/12/08	Xi măng	61.115
9	DNTN Hữu Tâm – Đồng Tháp	32/TC-TCTS/2008/XMHT2	31/12/08	Xi măng	55.308
10	DNTN Bảy Lương – Đồng Tháp	33/TC-TCTS/2008/XMHT2	31/12/08	Xi măng	55.308

Ghi chú: Giá trị hợp đồng được ghi theo hợp đồng nguyên tắc được tính theo đơn giá đầu năm.

7. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong hai năm gần nhất

7.1. Tóm tắt một số chỉ tiêu về hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong các năm 2006, 2007 và năm 2008

Đơn vị tính: Đồng

STT	Chỉ tiêu	Năm 2006	Năm 2007	Từ 01/01/2008 đến 31/01/2008	Từ 01/02/2008 (*) đến 31/12/2008
1	Tổng tài sản	737.051.632.463	1.623.412.771.969	1.671.304.669.073	1.949.020.242.499
2	Doanh thu thuần	1.027.638.064.238	1.074.886.190.118	103.072.021.294	1.258.896.962.267
3	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	70.386.515.287	76.035.182.655	10.913.947.786	173.801.388.457
4	Lợi nhuận khác	3.168.206.108	1.071.800.419	-290.000	2.692.866.946
5	Lợi nhuận trước thuế	73.554.721.395	77.106.983.074	10.913.657.786	176.494.255.403
6	Lợi nhuận sau thuế	55.752.594.001	55.572.299.179	7.857.833.607	124.522.674.110

Nguồn: báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2006, 2007 và báo cáo tài chính từ ngày 01/01/2008 đến 31/01/2008 và báo cáo tài chính từ ngày 01/02 đến ngày 31/12/2008

(*) Ngày 01/02/2008, Công ty chính thức chuyển sang hoạt động dưới hình thức Công ty Cổ phần

7.2. Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong các năm qua

- **Những nhân tố thuận lợi**

– Gần như toàn bộ, nguyên liệu đầu vào của Hà Tiên 2 được khai thác các mỏ của Công ty và là nguồn tại chỗ nên Công ty có lợi thế rất lớn so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành.

– Sản phẩm của Hà Tiên 2 luôn đạt chất lượng cao, độ ổn định về chất lượng được đánh giá tốt nên luôn được người tiêu dùng tin tưởng lựa chọn.

– Hệ thống phân phối đã hình thành từ lâu và mạng lưới phân phối có độ bao phủ thị trường rộng khắp khu vực Đồng bằng Sông Cửu Long.

- Thương hiệu mạnh thân quen với người tiêu dùng khu vực Đồng bằng sông Cửu Long.
- Tiềm lực tài chính vững mạnh.

- **Những nhân tố khó khăn**

- Giá nguyên, nhiên liệu đầu vào tăng ảnh hưởng đến giá thành sản phẩm của Hà Tiên 2
- Sản lượng cung cấp cho thị trường không đáp ứng đầy đủ, nhất là vào lúc cao điểm.
- Có nhiều nhà sản xuất xi măng mới tham gia cạnh tranh trên thị trường truyền thống.
- Vị trí Công ty nằm sát biên giới Campuchia, xa các địa bàn tiêu thụ chính, chi phí vận chuyển cao. Do đó, Công ty chưa khai thác mở rộng thị trường về phía Thành phố Hồ Chí Minh và miền Đông Nam bộ.

8. Vị thế của Công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành

8.1. Vị thế của Công ty trong ngành

Ngành xi măng trên Thế giới

Tiêu dùng xi măng trong những năm trở lại đây không ngừng tăng trưởng và là động lực quan trọng thúc đẩy ngành công nghiệp xi măng phát triển tại một số nước đang phát triển như: Trung Quốc, Thái Lan, Ấn Độ, Indonesia… Trên Thế giới hiện nay có khoảng hơn 160 nước sản xuất xi măng, tuy nhiên các nước có ngành công nghiệp xi măng chiếm sản lượng lớn của Thế giới thuộc về Trung Quốc, Ấn Độ và một số nước như khu vực Đông Nam Á là Thái Lan và Indonesia.

Theo dự báo nhu cầu sử dụng xi măng từ nay đến năm 2020 sẽ tăng hàng năm 3,6%/năm, nhu cầu sử dụng xi măng có sự chênh lệch lớn giữa các khu vực trên Thế giới: (nhu cầu các nước đang phát triển khoảng 4,3% năm, riêng Châu Á bình quân 5%/năm, các nước phát triển xấp xỉ chỉ là 1%/năm. Ngoài ra, tình trạng dư thừa công suất của các nhà máy đang phổ biến ở một số nước như Đông Âu, Thái Lan.

Các nước tiêu thụ lớn xi măng trong những năm qua phải kể đến: Trung Quốc, Ấn Độ, Mỹ, Nhật Bản, Hàn Quốc, Nga, Tây Ban Nha, Italya, Braxin, Iran, Mêxico, Thổ Nhĩ Kỳ, Việt Nam, Ai Cập, Pháp, Đức…..

Ngành công nghiệp xi măng Việt Nam

➢ *Vị trí ngành công nghiệp xi măng trong nền kinh tế Việt Nam*

Xi măng là một trong những ngành công nghiệp được hình thành sớm nhất ở nước ta (cùng với các ngành than, dệt, đường sắt). Từ thời điểm Việt Nam xây dựng nhà máy đầu tiên (năm 1889) đến nay, Việt Nam đã có khoảng 90 Công ty, đơn vị tham gia trực tiếp sản xuất và phục vụ sản xuất xi măng trong cả nước, trong đó: khoảng 33 thành viên thuộc Tổng Công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam, 5 công ty liên doanh, và hơn 50 công ty, các trạm nghiền khác.

Trong những năm qua ngành xi măng đóng góp một phần không nhỏ vào tốc độ tăng trưởng kinh tế Việt Nam, trung bình từ 10% - 12% GDP. Vì thế Chính phủ xác định Xi măng là ngành phát triển chiến lược nhằm hỗ trợ phát triển kinh tế.

➢ *Thực trạng hoạt động của ngành công nghiệp xi măng*

Ngành công nghiệp xi măng Việt Nam hiện nay đã có khoảng 14 nhà máy xi măng lò quay với tổng công suất thiết kế là 21,5 triệu tấn/năm, 55 cơ sở xi măng lò đứng, một số lò đứng đã chuyển đổi sang lò quay với tổng công suất thiết kế 6 triệu tấn/năm, khoảng 18 triệu tấn xi măng được sản xuất từ nguồn clinker trong nước (ứng với 14,41 triệu tấn clinker).

Hầu hết các nhà máy sản xuất xi măng sử dụng phương pháp kỹ thuật khô lò quay, ngoại trừ những nhà máy lò đứng sản xuất theo phương pháp bán khô với kỹ thuật lạc hậu, thì những nhà máy còn lại có năng suất xi măng từ 1,4 triệu đến 2,3 triệu tấn mỗi năm với thiết bị và trình độ công nghệ hiện đại hơn so với những nhà máy hiện có ở Đông Nam Á.

Hiện nay, Việt Nam đang có khoảng 31 dự án xi măng lò quay với tổng công suất thiết kế là 39 triệu tấn được phân bổ ở nhiều vùng trên cả nước. (Đa số tập trung ở miền Bắc, miền Trung và chỉ có 4/31 dự án ở miền Nam).

Những yếu tố ảnh hưởng tới ngành công nghiệp xi măng:

- Hiện nay các nhà máy xi măng phân bố không đều giữa các khu vực. Hầu hết các nhà máy tập trung tại miền Bắc nơi có vùng nguyên liệu đá vôi dồi dào, trong khi đó nguồn nguyên liệu cung cấp cho các nhà máy lớn phía Nam rất hạn chế. Do đó nguồn cung xi măng ở phía Bắc thì dư thừa trong khi miền Nam lại thiếu hụt. Tổng nhu cầu xi măng tại miền Nam chiếm tới 40% tổng nhu cầu xi măng cả nước trong khi các doanh nghiệp miền Nam chỉ đáp ứng được 50% tổng nhu cầu đó.

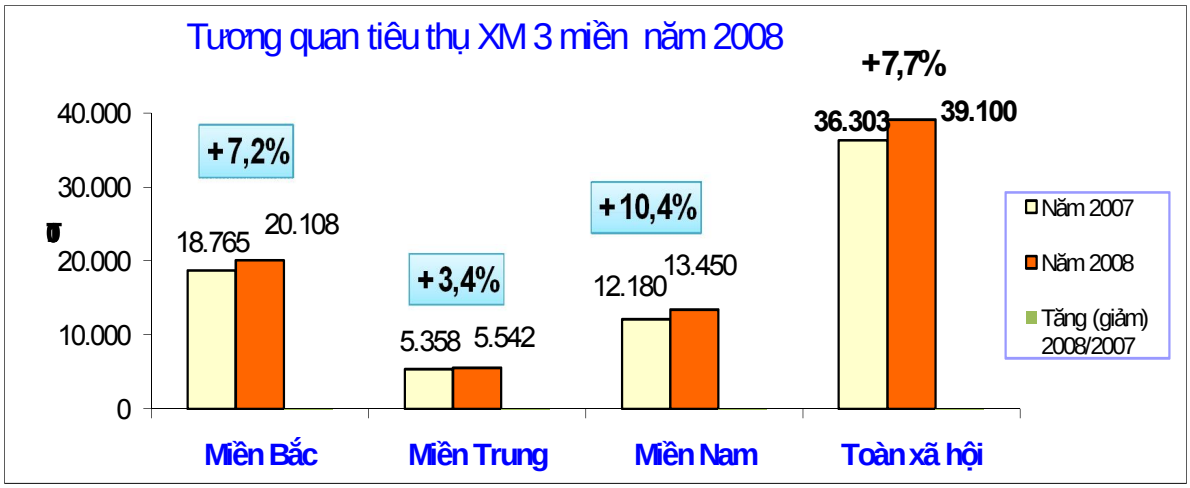

– Giá than, thạch cao và clinker những nguyên liệu đầu vào chính dùng cho sản xuất xi măng vẫn tăng đều qua các năm. Mà những nguyên liệu đầu vào này Việt Nam phải nhập khẩu với khối lượng rất lớn. Ngoài ra giá dầu hiện nay biến động ảnh hưởng tới cước phí vận chuyển tăng. Ảnh hưởng tiêu cực đến sản xuất và kết quả hoạt động của ngành.

– Ngoài ra do xi măng là ngành có vị trí quan trọng trong nền kinh tế nên có trách nhiệm bình ổn thị trường trong điều kiện giá nguyên liệu đầu vào không ngừng có xu thế tăng, ảnh hưởng đến hiệu quả sản xuất kinh doanh.

Vị thế của Công ty Cổ phần Xi măng Hà Tiên 2 trong ngành

Vị thế của Hà Tiên 2 trên toàn quốc:

Theo báo cáo tổng kết tình hình hoạt động năm 2008 của Tổng Công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam (ViCem), thị phần tiêu thụ xi măng lớn nhất hiện nay thuộc về các doanh nghiệp thành viên thuộc Tổng Công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam với gần 40% thị phần cả nước. Hầu hết các doanh nghiệp lớn trong ngành đều thuộc Tổng Công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam như: Hà Tiên 1, Hà Tiên 2, Xi măng Hoàng Thạch, Xi măng Hải Phòng…

Thị phần của các doanh nghiệp liên doanh là khoảng 30%. Thị phần của các doanh nghiệp xi măng nhỏ chỉ chiếm khoảng 31% do đa số các doanh nghiệp có tiềm lực tài chính hạn chế, khả năng cạnh tranh kém.

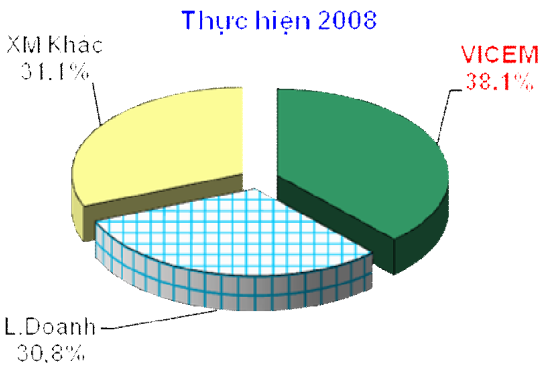

Trong đó có thể ước tính riêng thị phần xi măng của Hà Tiên 2 chiếm khoảng 2,87% thị trường xi măng trên toàn quốc.

BẢNG THỐNG KÊ SẢN PHẨM TIÊU THỤ (GỒM XI MĂNG VÀ CLINKER) NĂM 2008 CỦA CÁC CÔNG TY THÀNH VIÊN VICEM

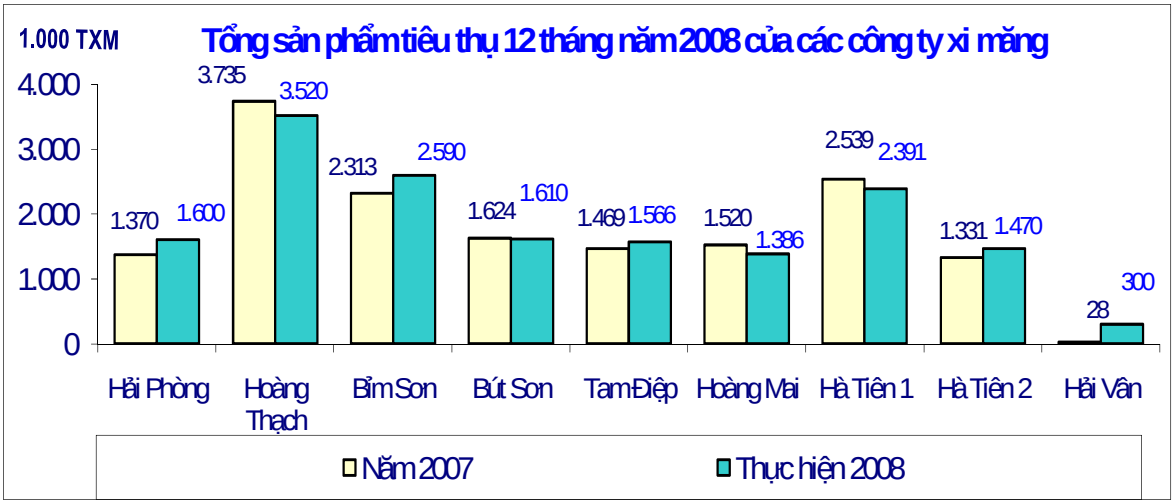

(Nguồn: Báo cáo tổng kết hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2008 của ViCem)

BẢNG THỐNG KÊ LỢI NHUẬN NĂM 2008 CỦA CÁC CÔNG TY THÀNH VIÊN VICEM

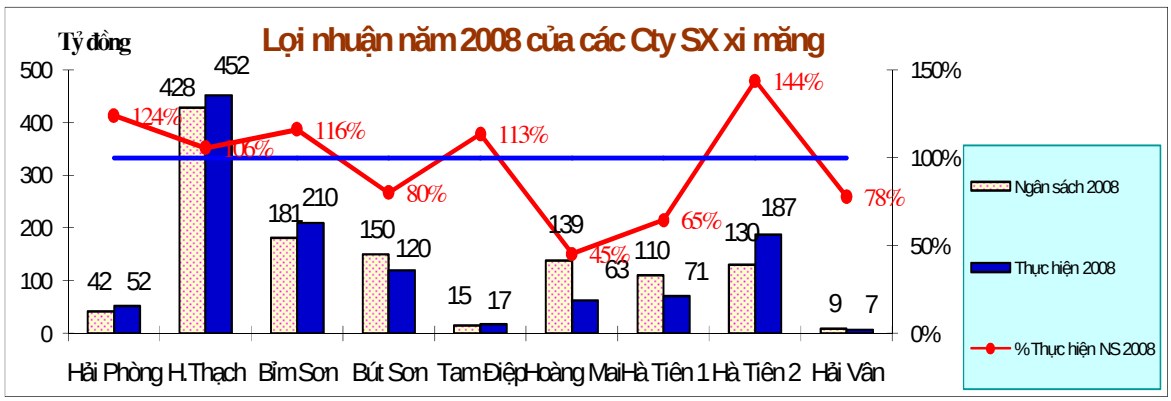

(Nguồn: Báo cáo tổng kết hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2008 của ViCem)

- ***Vị thế của Hà Tiên 2 tại thị trường Đồng bằng sông Cửu Long:***

Đối với thị trường Đồng bằng sông Cửu Long, hiện nay có khoảng 20 nhãn hiệu xi măng tham gia thị trường này, nhưng thực tế chỉ có một số nhãn hiệu xi măng là có thể tiêu thụ được với sản lượng lớn ở thị trường này như: Hà Tiên 2, Holcim, Nghi Sơn, Xi măng Tây Đô (Xi măng Hà Tiên 2 – Cần Thơ). Các nhãn hiệu xi măng còn lại tiêu thụ với sản lượng nhỏ. Với sản phẩm chính là xi măng hỗn hợp PCB40, Hà Tiên 2 đã khẳng định được thương hiệu tại thị trường Đồng bằng sông Cửu Long và có sản lượng tiêu thụ đang dẫn

đầu thị trường này. Năm 2008, lượng tiêu thụ xi măng toàn khu vực Đồng bằng sông Cửu Long khoảng 3,9 triệu tấn, thì Hà Tiên 2 đã tiêu thụ được 1,1 triệu tấn, chiếm 29% thị phần tiêu thụ khu vực.

Thị phần tiêu thụ sản phẩm của Công ty tại Đồng bằng sông Cửu Long qua các năm (số liệu do Hà Tiên 2 tự thống kê):

Sản lượng tiêu thụ:

Đơn vị : tấn

Đơn vị	2004	2005	2006	2007	2008
Hà Tiên 2	1.011.500	1.262.000	1.138.200	1.121.717	1.121.837
Holcim	614.000	847.000	737.000	944.700	861.000
Nghi Sơn	171.500	193.000	153.000	152.500	161.500
Tây Đô	400.500	475.000	410.000	425.000	429.877
Địa phương	937.500	1.068.000	1.065.800	959.250	728.530
Xi măng khác	94.000	116.000	316.000	597.253	642.630
Cộng	**3.229.000**	**3.961.000**	**3.820.000**	**4.200.420**	**3.945.374**

Thị phần tại Đồng bằng Sông Cửu Long:

Đơn vị	2004	2005	2006	2007	2008
Hà Tiên 2	31%	32%	30%	27%	29%
Holcim	19%	21%	19%	22%	22%
Nghi Sơn	5%	5%	4%	4%	4%
Tây Đô	12%	12%	11%	10%	11%
Địa phương	29%	27%	28%	23%	18%
Xi măng khác	3%	3%	8%	14%	16%
Cộng	**100%**	**100%**	**100%**	**100%**	**100%**

8.2. Triển vọng phát triển của ngành xi măng

- ***Dự báo nhu cầu:***

Theo báo cáo của Bộ Xây dựng, nhu cầu tiêu thụ xi măng năm 2008 của cả nước là 39,9 triệu tấn. Năm 2009, mặc dù nền kinh tế Việt Nam được dự báo có nhiều khó khăn (GDP được dự báo chỉ tăng khoảng 5-6%), song nhu cầu tiêu thụ xi măng của cả nước được Bộ Xây dựng dự báo sẽ tăng khoảng 10-11,5% so với năm 2008 lên khoảng 44-45,5 triệu tấn.

Theo Quyết định số 108/2005/QĐ-TTg ngày 16/05/2005 của Chính phủ v/v phê duyệt quy hoạch phát triển ngành xi măng đến năm 2010 và định hướng đến năm 2020, thì nhu cầu xi măng được dự báo như sau :

Đơn vị: triệu tấn

Năm	Mức dao động	Mức trung bình
2005	27,5 - 30,5	29
2010	42,2 - 51,4	46,8
2015	59,5 - 65,6	62,5
2020	68 - 70	

Nếu phân theo từng vùng kinh tế, thì nhu cầu xi măng qua các năm được dự báo như sau:

Đơn vị :triệu tấn

Vùng kinh tế	Nhu cầu xi măng các năm		
	2005	2010	2015
Tây Bắc	0,43	0,7	0,94
Đông Bắc	2,41	3,98	5,32
Đồng bằng sông Hồng	7,95	13,10	17,5
Bắc Trung Bộ	2,98	4,92	6,56
Nam Trung Bộ	2,27	3,74	5,0
Tây Nguyên	0,72	1,17	1,56
Đông Nam Bộ	7,78	12,17	16,25
Đồng bằng sông Cửu Long	4,46	7,02	9,37

- ***Dự báo nguồn cung:***

Thực hiện đầu tư theo Quy hoạch phát triển công nghiệp xi măng Việt Nam, theo Bộ Xây dựng năm 2009 dự kiến cả nước sẽ có 18 dự án xi măng hoàn thành xây lắp và đưa vào sản xuất, đến cuối năm 2009 tổng công suất các nhà máy xi măng tăng thêm khoảng 20,47 triệu tấn, đạt gần 60 triệu tấn. Do đó sang năm 2010, nguồn cung xi măng này sẽ cung cấp đủ cho thị trường, tuy nhiên sẽ tạo sự cạnh tranh quyết liệt giữa các doanh nghiệp, đặc biệt là các doanh nghiệp tại miền Bắc.

Do việc phát triển các dự án xi măng mất cân đối, nên tại thị trường phía Nam nguồn cung vẫn sẽ bị thiếu hụt. Tại khu vực miền Nam, tính đến nay chỉ có 4 nhà máy xi măng lò quay với tổng công suất 7,3 triệu tấn, khả năng sản xuất năm 2009 đạt khoảng 5,5 triệu tấn. Trong khi đó, nhu cầu tiêu thụ xi măng phía Nam chiếm 38 - 40% nhu cầu cả nước. Năm 2009, nếu nhu cầu cả nước là 45 triệu tấn thì nhu cầu ở phía Nam khoảng 17,5 - 18 triệu tấn, vẫn sẽ thiếu hụt khoảng 12 triệu tấn nên phải vận chuyển từ phía Bắc vào.

8.3. Định hướng chiến lược phát triển của Công ty

Duy trì vị thế dẫn đầu tại thị trường Đồng bằng Sông Cửu Long về cung ứng xi măng và sản phẩm sau xi măng.

- Phát triển thương hiệu, các kênh phân phối đáp ứng nhu cầu của thị trường Đồng bằng Sông Cửu Long, Thành phố Hồ Chí Minh và miền Đông Nam bộ.

- Nâng cao năng lực cung ứng xi măng:

  + Đầu tư mới: dự án Trạm nghiền xi măng Hà Tiên 2 - Long An với công suất 500.000 tấn xi măng/năm. Dự án đang trong quá trình triển khai và dự kiến vận hành đồng bộ chậm nhất vào cuối quý 2/2009.

  + Đầu tư mới 01 dây chuyền sản xuất với công suất 1.260.000 tấn clinker/năm và 01 dây chuyền nghiền xi măng công suất 600.000 tấn/năm. Dây chuyền mới được đặt tại thị trấn Kiên Lương song song với dây chuyền hiện hữu. Dự án đang được triển khai thực hiện và dự kiến hoạt động vào cuối năm 2010.

- Giảm giá thành sản phẩm: Ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất, thực hiện dự án chuyển đổi nhiên liệu đốt than thay dầu đã được vận hành từ tháng 10 năm 2008. Dự án này nhằm giảm chi phí nhiên liệu đốt lò nung clinker.

- Phát triển các sản phẩm sau xi măng (như bê tông tươi, bê tông cấu kiện đúc sẵn) và các sản phẩm xi măng đặc biệt (như xi măng bền sulfate và xi măng ít tỏa nhiệt)

9. Chính sách đối với người lao động

9.1. Số lượng người lao động trong Công ty

Tổng số lao động của Công ty tại thời điểm 31/12/2008 là 1.430 người, cơ cấu lao động theo trình độ được thể hiện trong bảng sau:

Trình độ	Số CB.CNV	Tỷ trọng
Đại học	234	16,36%
Cao đẳng	15	1,05%
Trung cấp	95	6,64%
Sơ cấp	25	1,75%
Công nhân kỹ thuật	825	57,69%
Chưa qua đào tạo	236	16,50%
Tổng cộng	**1.430**	**100%**

9.2. Chính sách đối với người lao động

a) Chế độ làm việc

Thời giờ làm việc: Chế độ làm việc của Hà Tiên 2 là 08 giờ/ngày và 40 giờ/tuần.

Điều kiện làm việc: Điều kiện làm việc của người lao động được đảm bảo tốt, trang bị đầy đủ bảo hộ lao động theo quy định của Công ty.

b) Chính sách đào tạo

Hà Tiên 2 thực hiện chính sách đào tạo theo quy hoạch và theo nhu cầu của người lao động để thích ứng với công việc. Xây dựng đội ngũ cán bộ quản lý, lao động có đủ kiến thức, đạo đức, kỷ năng tác nghiệp đạt hiệu quả cao nhằm kế thừa, phát triển và chuyển tiếp liên tục giữa các thế hệ để thực hiện mục tiêu, chiến lược phát triển của Công ty.

Ngân sách đào tạo năm 2006 là 833 triệu đồng, năm 2007 là 780 triệu đồng và năm 2008 là 3,3 tỷ đồng, chủ yếu phụ vụ tái cơ cấu và nâng cao trình độ người lao động sau cổ phần hóa.

c) Chính sách lương, thưởng, phúc lợi và bảo hiểm cho người lao động

Chính sách lương: Hà Tiên 2 trả lương theo giá trị công việc, có tính cạnh tranh của thị trường lao động, tiền lương phụ thuộc vào doanh thu và hiệu quả sản xuất kinh doanh của Công ty. Lao động quản lý và lao động có trình độ cao làm việc có năng suất, chất lượng, hiệu quả sẽ được trả lương cao tương xứng với giá trị lao động của họ tạo ra.

Tiền thưởng: Hàng năm, công ty trích tối thiểu 5% lợi nhuận sau thuế để lập quỹ khen

thưởng phúc lợi. Quỹ khen thưởng dùng để thưởng cho những tập thể và cá nhân có nhiều đóng góp vào hoạt động sản xuất kinh doanh của Hà Tiên 2 và thưởng các danh hiệu thi đua hàng năm, nhằm kích thích người lao động tăng năng suất lao động, phát huy sang kiến cải tiến kỹ thuật, tiết kiệm mọi chi phí, tăng hiệu quả sản xuất kinh doanh của Công ty.

Phúc lợi tập thể: Dùng để xây dựng các công trình phúc lợi tập thể và trợ cấp khó khăn cho nhân viên nhằm ổn định và nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho người lao động.

Bảo hiểm: Hà Tiên 2 đảm bảo việc đóng đầy đủ bảo hiểm xã hội và bảo hiểm y tế cho người lao động theo quy định của Luật Bảo hiểm xã hội.

10. Chính sách cổ tức

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty được Đại hội cổ đông thông qua ngày 21 tháng 01 năm 2008, chính sách phân phối cổ tức của Công ty như sau:

- Công ty chỉ được chi trả cổ tức cho cổ đông khi Công ty kinh doanh có lãi và đã hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật.
- Kết thúc niên độ tài chính, HĐQT có trách nhiệm xây dựng phương án phân phối lợi nhuận và trích lập các quỹ để trình Đại hội đồng cổ đông. Phương án này được xây dựng trên cơ sở lợi nhuận sau thuế mà Công ty thu được từ hoạt động kinh doanh trong năm tài chính vừa qua sau khi đã thực hiện nghĩa vụ nộp thuế và tài chính khác theo quy định của pháp luật hiện hành.
- Hội đồng quản trị có thể thanh toán cổ tức giữa kỳ nếu xét thấy việc chi trả này phù hợp với khả năng sinh lời của Công ty.

11. Tình hình hoạt động tài chính

11.1. Các chỉ tiêu cơ bản

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm. Năm tài chính đầu tiên kể từ khi Hà Tiên 2 chuyển sang hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần bắt đầu từ ngày 01 tháng 02 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12. Báo cáo tài chính của Công ty trình bày bằng đồng Việt Nam. Công ty áp dụng chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

a) Trích khấu hao tài sản cố định

Công ty áp dụng trích khấu hao tài sản cố định theo phương pháp khấu hao đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc : 05 – 25 năm
- Máy móc và thiết bị: 05 – 07 năm
- Phương tiện vận tải: 05 – 07 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý : 03 – 05 năm
- Tài sản cố định khác : 04 – 05 năm

b) Mức lương bình quân

Thu nhập bình quân hàng tháng của người lao động trong Công ty năm 2007 là 6 triệu đồng/người/tháng và năm 2008 là 6,87 triệu đồng/người/tháng.

c) Thanh toán các khoản nợ đến hạn

Công ty thực hiện tốt các khoản nợ đến hạn. Căn cứ vào các báo cáo kiểm toán năm 2006-2007, Công ty đã thanh toán đúng hạn và đầy đủ các khoản nợ.

d) Các khoản phải nộp theo luật định

Công ty thực hiện nghiêm túc việc nộp các khoản thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập doanh nghiệp theo quy định của Nhà nước. Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp đang áp dụng tại Hà Tiên 2 là 28%/năm và kể từ năm 2009 là 25%.

e) Trích lập các quỹ

Theo quy định của Luật Doanh nghiệp, việc trích lập và sử dụng các quỹ hàng năm sẽ do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Công ty thực hiện việc trích lập các quỹ theo Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty và quy định của pháp luật hiện hành.

f) Tổng dư nợ vay hiện nay

Tại thời điểm 31/12/2008, tình hình nợ vay của Công ty như sau:

- Vay và nợ ngắn hạn: Số dư vay và nợ ngắn hạn là: 69.469.884.000 đồng tương đương 4.092.000 USD (theo tỷ giá bình quân liên ngân hàng tại thời điểm 31/12/2008 là 16.977 đồng/USD). Đây là khoản Nợ dài hạn đến hạn trả từ khoản vay Ngân hàng Công

Thương Kiên Giang cho dự án Than dầu theo hợp đồng số 05240090 ngày 21/10/2005. Chi tiết khoản vay này như sau:

+ Hạn mức tín dụng: 12.277.000 USD

+ Mục đích vay: Thanh toán một phần chi phí thực hiện dự án than dầu

+ Thời hạn vay : 60 tháng

- Vay và nợ dài hạn: Số dư vay và nợ dài hạn là: 638.594.819.764 đồng. Bao gồm các khoản vay sau:

  - Vay Ngân hàng Công thương Kiên Giang cho dự án Than dầu: 104.221.803.169 đồng tương đương 6.139.000 USD (theo tỷ giá bình quân liên ngân hàng tại thời điểm 31/12/2008 là 16.977 đồng/USD) theo Hợp đồng tín dụng số 05240090 ngày 21/10/2005:

    + Hạn mức tín dụng: 12.277.000 USD

    + Mục đích vay: Thanh toán một phần chi phí thực hiện dự án than dầu

    + Thời hạn vay : 60 tháng

  - Vay Ngân hàng Ngoại thương Kiên Giang cho dự án Trạm nghiền xi măng Hà Tiên 2 - Long An là 308.925.277.483 đồng. Trong đó:

    o Vay nội tệ 118.937.826.733 đồng theo Hợp đồng tín dụng số 01/2006/NHNT-XMHT2 ngày 28/03/2006. Chi tiết khoản vay này như sau:

      + Hạn mức tín dụng: 139 tỷ đồng

      + Mục đích vay: Chi phí xây lắp, máy móc, thiết bị bốc xúc, xây dựng cảng, xây dựng silô clinker và xi măng, các hạng mục còn lại khác của dự án, kể cả lãi vay trong TGXD.

      + Thời hạn vay : 8 năm

    o Vay ngoại tệ là 11.190.872,99 USD tương đương 189.987.450.750 đồng (theo tỷ giá bình quân liên ngân hàng tại thời điểm 31/12/3008 là 16.977 đồng/USD) theo Hợp đồng tín dụng số 02/2006/NHNT-XMHT2 ngày 28/03/2006. Chi tiết khoản vay này như sau:

      + Hạn mức tín dụng: 14.000.000 USD.

+ Mục đích vay: Máy móc, thiết bị, vật tư, chi phí nhập khẩu, kể cả lãi vay trong TGXD.

+ Thời hạn vay : 8 năm

- Vay Ngân hàng Phát triển Kiên Giang cho dự án Hà Tiên 2.2 là 4.727.654.153 đồng theo Hợp đồng tín dụng số 01/2006 ngày 09/02/2006. Chi tiết khoản vay này như sau:

  + Hạn mức tín dụng: 570 tỷ đồng.

  + Mục đích vay: Đầu tư các hạng mục xây dựng và mua thiết bị sản xuất trong nước phục vụ sản xuất clinker.

  + Thời hạn vay : 12 năm.

- Vay đồng tài trợ của Ngân hàng CALYON (Pháp) và Ngân hàng ANZ chi nhánh Hồ Chí Minh cho dự án Hà Tiên 2.2 là 1.814.539,89 EUR tương đương 45.319.948.293 đồng (theo tỷ giá bán tại Ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam thời điểm 31/12/3008 là 24.976 đồng/EUR) theo Hợp đồng tín dụng ngày 11/01/2008. Chi tiết khoản vay này như sau:

  + Hạn mức tín dụng: 39.560.024 EUR

  + Mục đích vay: Thanh toán 85% giá trị thiết bị có xuất xứ từ Đức, phí bảo hiểm Hermes và lãi vay trong thời gian xây dựng cho dự án Hà Tiên 2.2

  + Thời hạn vay : 13 năm

- Vay Ngân hàng Công thương Kiên Giang cho dự án Hà Tiên 2.2 là 10.331.633,19 USD tương đương 175.400.136.666 đồng (theo tỷ giá bình quân liên ngân hàng tại thời điểm 31/12/3008 là 16.977 đồng/USD) theo Hợp đồng tín dụng số 07680095/HDTD ngày 06/12/2007. Chi tiết khoản vay này như sau:

  + Hạn mức tín dụng: 15,865 triệu USD

  + Mục đích vay: Chi phí xây lắp, chi phí mua thiết bị trong nước, chi phí đặt cọc và nhập khẩu thiết bị, chí phí dự phòng và các chi phí trong nước khác (bao gồm cả lãi vay trong thời gian xây dựng).

  + Thời hạn vay : 13 năm

g) Tình hình công nợ hiện nay

- ***Các khoản phải thu ngắn hạn:***

Đơn vị tính: Đồng

Chỉ tiêu	Năm 2007	31/12/2008
Phải thu của khách hàng	13.614.488.532	52.263.503.066
Trả trước cho người bán	291.517.333.611	264.695.458.197
Các khoản phải thu khác	3.179.542.881	301.669.412
Tổng cộng	**308.311.365.024**	**317.260.630.675**

Nguồn: Báo cáo kiểm toán năm 2007 và báo cáo tài chính năm 2008

- ***Các khoản nợ phải trả:***

Đơn vị tính: Đồng

Chỉ tiêu	Năm 2007	31/12/2008
Nợ ngắn hạn	**256.143.214.233**	**365.034.815.538**
Vay và nợ ngắn hạn	34.647.214.157	69.469.884.000
Phải trả cho người bán	40.688.101.234	127.029.020.529
Người mua trả tiền trước	7.342.539.482	1.137.394.228
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	15.868.321.718	61.910.872.074
Phải trả người lao động	32.243.023.548	29.856.079.959
Chi phí phải trả	791.322.757	13.223.655.584
Các khoản phải trả phải nộp khác	124.562.691.337	62.407.909.164
Nợ dài hạn	**431.625.006.213**	**638.903.605.970**
Vay và nợ dài hạn	415.345.925.357	638.594.819.764
Dự phòng trợ cấp mất việc làm	16.279.080.856	308.786.206
Tổng	**687.768.220.446**	**1.003.938.421.508**

Nguồn: Báo cáo kiểm toán năm 2007 và báo cáo tài chính năm 2008

11.2. Giải thích chênh lệch giữa số liệu đầu kỳ báo cáo tài chính năm 2007 so với số liệu cuối kỳ trong báo cáo tài chính năm 2006

Do Công ty thực hiện xác định lại giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa do đó số liệu đầu kỳ được lấy theo Biên bản xác định giá trị doanh nghiệp tại 0 giờ ngày 01/01/2007 do Công ty Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán (AASC) thực hiện. Số liệu này có sự khác biệt trên Bảng cân đối kế toán so với số liệu cuối kỳ trên Báo cáo tài chính tại 31/12/2006 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán Việt Nam (VACO) như sau:

Đơn vị tính : Đồng

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	Số liệu cuối kỳ theo BCTC 31/12/2006 đã được kiểm toán	Số liệu đầu kỳ theo BCTC 31/12/2007 đã được kiểm toán
A. Tài sản ngắn hạn	**493.604.837.249**	**493.569.037.907**
I. Tiền	**220.360.707.096**	**220.360.754.306**
1. Tiền	50.360.707.096	50.360.754.306
2. Các khoản tương đương tiền	170.000.000.000	170.000.000.000
II. Các khoản đầu tư TC ngắn hạn	**4.220.726.309**	**4.220.726.309**
III. Các khoản phải thu	**67.804.481.847**	**67.817.789.847**
1. Phải thu của khách hàng	13.286.257.713	13.286.257.713
2. Trả trước cho người bán	52.107.044.597	52.107.044.597
3. Các khoản phải thu khác	2.424.487.537	2.424.487.537
4. Dự phòng khoản phải thu khó đòl	(13.308.000)	
IV. Hàng tồn kho	**200.877.694.713**	**200.828.540.161**
V. Tài sản lưu động khác	**341.227.284**	**341.227.284**
1. Thuế và các khoản phảI thu Nhà nước	19.775.922	19.775.922
2. Tàl sản ngắn hạn khác	321.451.362	321.451.362
B. Tài sản dàl hạn	**243.446.795.214**	**629.791.822.952**
I. Các khoản phảI thu dàl hạn	**-**	
II. Tài sản cố định	**183.374.609.761**	**538.933.441.696**
1. Tài sản cố định hữu hình	96.044.270.685	451.603.102.620
Nguyên giá	1.518.986.969.371	1.408.179.469.202
Giá trị hao mòn luỹ kế	(1.422.942.698.686)	(956.576.366.582)
2. Tài sản cố định vô hình	123.426.899	123.426.899
Nguyên giá	510.330.000	510.330.000

Giá trị hao mòn luỹ kế	(386.903.101)	(386.903.101)
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	87.206.912.177	87.206.912.177
III. Bất động sản đầu tư	**-**	**-**
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	**59.760.987.362**	**-**
1. Đầu tư vào Công ty liên kết, liên doanh	46.211.500.000	
2. Góp vốn liên doanh	13.549.487.362	
V. Tài sản dài hạn khác	**311.198.091**	**90.858.381.256**
1. Chi phí trả trước dài hạn	171.962.587	90.719.145.752
2. Tài sản dài hạn khác	139.235.504	139.235.504
Tổng tài sản	**737.051.632.463**	**1.123.360.860.859**
A. Nợ phải trả	**226.100.408.571**	**247.865.947.342**
I. Nợ ngắn hạn	**185.766.946.386**	**207.517.246.914**
1. Vay và nợ ngắn hạn	24.298.444.647	24.298.444.647
2. Phải trả cho người bán	67.825.474.963	67.978.099.963
3. Người mua trả tiền trước	1.860.139.718	1.860.139.718
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	6.028.074.874	6.027.949.874
5. Phải trả công nhân viên	25.305.210.948	48.010.802.349
6. Chi phí phải trả	820.203.008	820.203.008
7. Các khoản phải trả, phải nộp khác	59.629.398.228	58.521.607.355
II. Nợ dài hạn	**40.333.462.185**	**40.348.700.428**
1. Vay và nợ dài hạn	24.519.857.777	24.535.096.020
2. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	15.813.604.408	15.813.604.408
B. Nguồn vốn chủ sở hữu	**510.951.223.892**	**875.494.913.517**
I. Nguồn vốn, quỹ	**488.332.477.763**	**875.494.913.517**
1. Vốn đầu tư chủ sở hữu	428.902.643.090	875.494.913.517
2. Quỹ đầu tư phát triển	(34.572.525.338)	
3. Quỹ dự phòng tài chính	93.979.581.929	
4. Lợi nhuận chưa phân phối	22.778.082	
II. Nguồn kinh phí, quỹ khác	**22.618.746.129**	**-**
1. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	22.618.746.129	
Tổng Nguồn vốn	**737.051.632.463**	**1.123.360.860.859**

Nguyên nhân của việc chênh lệch này là do theo quy định về xác định lại giá trị doanh nghiệp khi cổ phần hóa. Do vậy, theo báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2007, số liệu đầu kỳ thể hiện trên bảng cân đối kế toán được thể hiện theo Biên bản xác định giá trị doanh nghiệp.

11.3. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

Các chỉ tiêu	Năm 2007	Năm 2008
1. Bố trí cơ cấu tài sản và cơ cấu nguồn vốn		
1.1 Bố trí cơ cấu tài sản		
Tài sản cố định/Tổng tài sản (%)	40,60	50,13
Tài sản lưu động/Tổng tài sản (%)	59,40	49,87
1.2 Bố trí cơ cấu nguồn vốn		
Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn (%)	42,65	51,51
Nguồn vốn sở hữu/Tổng nguồn vốn (%)	57,35	48,49
2. Khả năng thanh toán		
Khả năng thanh toán hiện hành (lần)	2,34	1,94
Khả năng thanh toán nợ ngắn hạn (lần)	3,70	2,66
Khả năng thanh toán nhanh (lần)	1,10	0,56
3. Tỷ suất sinh lời		
1.1 Tỷ suất lợi nhuận/ Doanh thu		
Tỷ suất lợi nhuận trước thuế/Doanh thu (%)	7,05	13,81
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Doanh thu (%)	5,07	9,74
1.2 Tỷ suất lợi nhuận/ Tổng tài sản		
Tỷ suất lợi nhuận trước thuế/ Tổng tài sản (%)	4,73	9,06
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/ Tổng tài sản (%)	3,40	6,39
1.3 Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Nguồn vốn chủ sở hữu	5,98	13,29

12. Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban kiểm soát, Kế toán trưởng

12.1. Danh sách thành viên Hội đồng quản trị

a) Chủ tịch HĐQT

Ông **Lý Tân Huệ**: Chủ tịch Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Xi măng Hà Tiên 2

- Giới tính : Nam
- Ngày tháng năm sinh : 19/05/1955
- Nơi sinh : Long An.
- Số chứng minh nhân dân : 020120858

- Ngày cấp : 02/8/2004
- Nơi cấp : Tp. HCM
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Địa chỉ thường trú : 37B – Phạm Ngọc Thạch, F.6, Q.3, Tp.HCM
- Điện thoại liên lạc : (84-773) 853 004
- Trình độ văn hóa : 12/12
- Trình độ chuyên môn : Kỹ sư hóa
- Quá trình công tác:
  - + 1980 - 1984: Công ty xuất khẩu thực phẩm Đồng Nai – Bộ Công nghiệp thực phẩm
  - + 1985 - 1988: Phòng Công nghiệp – Uỷ ban nhân dân Quận 3 – Tp. HCM
  - + 1989 - 1991: Ban chuẩn bị sản xuất xi măng Hà Tiên mở rộng.
  - + 1991 - 1993: Nhà máy xi măng Kiên Lương – Nhà máy liên hợp xi măng Hà Tiên
  - + 1993 - 1995: Trưởng phòng Kinh tế Kế hoạch
  - + 1995 - 1998: Phó Giám đốc Công ty xi măng Hà Tiên 2
  - + 1998 - 2007: Giám đốc Công ty xi măng Hà Tiên 2
  - + 08/2007 - nay : Phó Tổng Giám đốc Tổng Công ty công nghiệp xi măng Việt Nam; Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty CP xi măng Hà Tiên 2
- Số cổ phần nắm giữ: 25.677.601 cổ phần

  Trong đó: + Sở hữu cá nhân: 2.650 cổ phần

  + Đại diện vốn Nhà nước: 25.674.951cổ phần
- Người có liên quan nắm giữ cổ phần: không
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích của Công ty: Không
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không

b) Thành viên HĐQT

Ông **Trần Duy Sơn:** Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Giám đốc Công ty Cổ phần Xi măng Hà Tiên 2

- Giới tính : Nam
- Ngày tháng năm sinh : 08/6/1954
- Nơi sinh : Nghệ An
- Số chứng minh nhân dân : 020140508
- Ngày cấp : 07/12/2004
- Nơi cấp : Tp.HCM
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Địa chỉ thường trú : 34 Phan Đăng Lưu, F.6, Q.Bình Thạnh, Tp.HCM.
- Điện thoại liên lạc : (84-773) 853 004
- Trình độ văn hóa : 10/10
- Trình độ chuyên môn : Kỹ sư cơ khí
- Quá trình công tác:

  + 1981 - 1987: Kỹ sư Ban chuẩn bị sản xuất Xi măng Hà Tiên mở rộng.

  + 1987 - 1993: Phó Quản đốc phân xưởng Nhà máy liên hợp xi măng Hà Tiên

  + 1993 - 2007: Phó Giám đốc Công ty CP xi măng Hà Tiên 1

  + 8/2007 - nay : Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Giám đốc Công ty Cổ phần Xi măng Hà Tiên 2

- Số cổ phần nắm giữ: 17.604.790 cổ phần

  Trong đó: + Sở hữu cá nhân: 4.790 cổ phần

  + Đại diện vốn Nhà nước: 17.600.000 cổ phần

- Người có liên quan nắm giữ cổ phần: Không
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích của Công ty: Không
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không

c) *Thành viên HĐQT*

Ông **Cái Hồng Thu:** Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Phó Giám đốc Công ty Cổ phần Xi măng Hà Tiên 2

- Giới tính : Nam
- Ngày tháng năm sinh : 02/8/1959
- Nơi sinh : Phước Hưng, Tuy Phước, Bình Định
- Số chứng minh nhân dân : 020120600
- Ngày cấp : 08/9/2006
- Nơi cấp : Tp.HCM
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Địa chỉ thường trú : C1 - 21 Ni Sư Huỳnh Liên, P.10, Q.Tân Bình, Tp.HCM
- Điện thoại liên lạc : (84-773) 853 004
- Trình độ văn hóa : 12/12
- Trình độ chuyên môn : Kỹ sư Hoá vô cơ
- Quá trình công tác:

+ 1982 - 1985:	Cán bộ Ban quản lý công trình xi măng Hà Tiên.
+ 1985 - 1987:	Phó phòng Kỹ thuật Ban chuẩn bị sản xuất xi măng Hà Tiên.
+ 1987 - 1990:	Phó phòng Kỹ thuật Ban chuẩn bị sản xuất xi măng Hà Tiên phụ trách đoàn chuyên gia.
+ 1990 - 1991:	Phó Quản đốc phân xưởng Sản xuất chính Ban chuẩn bị sản xuất xi măng Hà Tiên mở rộng Kiên Lương..
+ 1992 - 1998:	Quản đốc phân xưởng Sản xuất chính Công ty xi măng Hà Tiên 2.
+ 1998 - nay:	Phó Giám đốc Công ty CP xi măng Hà Tiên 2.
+ Hiện nay :	Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Phó Giám đốc Công ty Cổ phần Xi măng Hà Tiên 2.

- Số cổ phần nắm giữ: 4.422.080 cổ phần

Trong đó: + Sở hữu cá nhân: 22.080 cổ phần

+ Đại diện vốn Nhà nước: 4.400.000 cổ phần

- Người có liên quan nắm giữ cổ phần :

  Vợ Nguyễn Thị Hồng Phước : 15.070 cổ phần

- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích của Công ty: Không
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không

d) Thành viên HĐQT

Ông **Nguyễn Quyết Chiến:** Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Trưởng Phòng kế toán Công ty Cổ phần Xi măng Hà Tiên 2

- Giới tính : Nam
- Ngày tháng năm sinh : 10/4/1972
- Nơi sinh : Huyện Ninh Thanh, tỉnh Hải Hưng
- Số chứng minh nhân dân : 142050107
- Ngày cấp : 22/4/1994
- Nơi cấp : Hải Hưng
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Địa chỉ thường trú : 585 tổ NDTQ số 21 ấp Cư Xá, thị trấn Kiên Lương, huyện Kiên Lương, tỉnh Kiên Giang
- Điện thoại liên lạc : (84-773) 853 004
- Trình độ văn hóa : 12/12
- Trình độ chuyên môn : Cử nhân ngành Tài chính Kế toán
- Quá trình công tác:

  + 1993 - 1995: Kế toán Tổng hợp Công ty Vật tư nông nghiệp Hải Hưng

  + 1995 - 1997: Chuyên viên Phòng Kế toán Thống kê Tài chính - Công ty xi măng Hà Tiên 2.

  + 1997 - 2004: Phó phòng Kế toán Thống kê Tài chính - Công ty xi măng Hà Tiên 2

  + 2005: Quyền trưởng phòng Kế toán Thống kê Tài chính - Công ty xi

măng Hà Tiên 2.

+ 2006 - nay Trưởng phòng Kế toán Thống kê Tài chính - Công ty CP xi măng Hà Tiên 2

+ Hiện nay : Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Trưởng Phòng Kế toán Công ty Cổ phần Xi măng Hà Tiên 2.

- Số cổ phần nắm giữ : 4.404.400 cổ phần

Trong đó: + Sở hữu cá nhân: 4.400 cổ phần

+ Đại diện vốn Nhà nước: 4.400.000 cổ phần

- Người có liên quan nắm giữ cổ phần: Không
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích của Công ty: Không
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không

e) Thành viên HĐQT

Ông **Lưu Văn Nhựt:** Thành viên Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Xi măng Hà Tiên 2

- Giới tính : Nam
- Ngày tháng năm sinh : 22/12/1964
- Nơi sinh : Huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang
- Số chứng minh nhân dân : 310601702
- Ngày cấp : 13/10/2004
- Nơi cấp : Tiền Giang
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Địa chỉ thường trú : 71 Phan Thanh Giản, F.3, tp. Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang
- Trình độ văn hóa : 12/12
- Quá trình công tác:

+ 1982 - 1990: Nhân viên Công ty thương mại thành phố Mỹ Tho – Tiền Giang

+ 1990 - nay: Chủ DNTN Tiến Phát – Tiền Giang

+ Hiện nay : Thành viên Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Xi măng Hà Tiên 2

- Số cổ phần nắm giữ: 62.900 cổ phần

  Trong đó: + Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần

  + Đại diện: 62.900 cổ phần

- Người có liên quan nắm giữ cổ phần: Không
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Lợi ích liên quan đối với tổ chức niêm yết: Là nhà phân phối chính thức (cấp 1)
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không

f) Thành viên HĐQT

Ông **Trịnh Thanh Cần:** Thành viên Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Xi măng Hà Tiên 2

- Giới tính : Nam
- Ngày tháng năm sinh : 27/03/1978
- Nơi sinh : Thành phố Hồ Chí Minh
- Số chứng minh nhân dân : 023165993
- Ngày cấp : 24/01/2007
- Nơi cấp : Thành phố Hồ Chí Minh
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Địa chỉ thường trú : 10.0 Khu dân cư Miếu Nổi, P.3, Q. Bình Thạnh, Tp. HCM
- Trình độ văn hóa : 12/12
- Trình độ chuyên môn : Cử nhân ngành Quản trị Kinh doanh, chuyên ngành Tài chính (Đại học Tiểu bang california – Mỹ)
- Quá trình công tác:

  + 2001 – 2003 : Làm việc tại Mỹ (Ngân hàng Downey Savings và Công ty Tower Asset Management)

  + 2003 – 2005 : Chuyên viên đầu tư Công ty VinaCapital

  + 2005 – 2006 : Ngân hàng HSBC – Giám đốc Quan hệ Khách hàng, khối các tập đoàn đa quốc gia và định chế tài chính

  + 2006 – 2007 : Giám đốc đầu tư Công ty Quản lý Quỹ Bản Việt

+ 2007 – Hiện nay : Trợ lý Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán Bản Việt

- Số cổ phần nắm giữ: 0 cổ phần
- Người có liên quan nắm giữ cổ phần: Không
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích của Công ty: Không
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không

12.2. Danh sách thành viên Ban Kiểm soát

a) Trưởng Ban Kiểm soát

Ông **Phạm Đức Trung:** Trưởng Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần Xi măng Hà Tiên 2

- Giới tính : Nam
- Ngày tháng năm sinh : 02/5/1968
- Nơi sinh : Ý Yên – Nam Định
- Số chứng minh nhân dân : 012580313
- Ngày cấp : 11/3/2003
- Nơi cấp : Hà Nội
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Địa chỉ thường trú : 27A Trần Hưng Đạo, Hoàn Kiếm, Hà Nội
- Trình độ văn hóa : 12/12
- Trình độ chuyên môn : Cử nhân ngành Tài chính Kế toán
- Quá trình công tác:

+ 1992 - 1995: Chuyên viên phòng Kế toán Thống kê Tài chính – Công ty xi măng Hà Tiên 2

+ 1995 - 2004: Chuyên viên phòng Kế toán Thống kê Tài chính – Tổng Công ty xi măng Việt Nam

+ 2004 - 3/2008: Phó phòng Quản lý vốn – Tổng Công ty công nghiệp xi măng Việt Nam

+ 3/2008 - nay: Phó phòng Kế toán Thống kê Tài chính – Tổng Công ty công nghiệp xi măng Việt Nam

+ Hiện nay : Trưởng Ban Kiểm soát Công ty Cổ Phần Xi măng Hà Tiên 2

- Số cổ phần nắm giữ: 4.400.000 cổ phần

Trong đó: + Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần

+ Đại diện vốn Nhà nước: 4.400.000 cổ phần

- Người có liên quan nắm giữ cổ phần: Không
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích của Công ty: Không
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không

b) Thành viên Ban kiểm soát

Ông **Phạm Mạnh Hùng:** Thành viên Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần Xi măng Hà Tiên 2

- Giới tính : Nam
- Ngày tháng năm sinh : 27/9/1974
- Nơi sinh : Cửa Ông, Cẩm Phả, Quảng Ninh
- Số chứng minh nhân dân : 100625813
- Ngày cấp : 17/5/1991
- Nơi cấp : Quảng Ninh
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Địa chỉ thường trú : Ấp Cư Xá, thị trấn Kiên Lương, Kiên Lương, Kiên Giang
- Trình độ văn hóa : 12/12
- Trình độ chuyên môn : Kỹ sư ngành Khai thác Mỏ
- Quá trình công tác:

+ 1996 - 1998: Kỹ sư phân xưởng Khai thác đá – Công ty xi măng Hà Tiên 2

+ 1998 - 2002: Đốc công phân xưởng Khai thác đá–Công ty xi măng Hà Tiên 2

+ 2002 - 2003: Giám đốc điều hành Mỏ - Công ty xi măng Hà Tiên 2

+ 2003 - nay: Phó Quản đốc phân xưởng Khai thác Nguyên liệu kiêm Giám đốc điều hành Mỏ.

+ Hiện nay : Thành viên Ban Kiểm soát Công ty Cổ Phần Xi Măng Hà Tiên 2

- Số cổ phần nắm giữ: 1.150 cổ phần.
- Người có liên quan nắm giữ cổ phần:

  Vợ Nguyễn Thị Thu Chi: 1.100 cổ phần
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích của Công ty: Không
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không

c) Thành viên Ban kiểm soát

Ông **Hoàng Anh Tuấn:** Thành viên Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần Xi măng Hà Tiên 2

- Giới tính : Nam
- Ngày tháng năm sinh : 26/1/1975
- Nơi sinh : Đà Nẵng
- Số chứng minh nhân dân : 250399683
- Ngày cấp : 08/10/1993
- Nơi cấp : Lâm Đồng
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Địa chỉ thường trú : 490/1B Lê Văn Sỹ, P.14, Q.3, Tp.HCM
- Số ĐT liên lạc : (08) 9302320 ext 139
- Trình độ văn hóa : 12/12
- Trình độ chuyên môn : Thạc sĩ ngành Quản trị Kinh doanh
- Quá trình công tác:

  + 1997 - 2002: Chuyên viên Tư vấn Tài chính Doanh nghiệp – Arthur Ardersen Vietnam Ltd

  + 2002 - 8/2007: Trưởng phòng Cao cấp Tư vấn Thuế và Tài chính Doanh nghiệp - Công ty TNHH KPMG

  + 9/2007 - nay: Giám đốc Tư vấn Doanh nghiệp – Chi nhánh Công ty CP chứng khoán Quốc tế Việt Nam tại Tp.HCM

  + Hiện nay : Thành viên Ban Kiểm soát Công ty Cổ Phần Xi Măng Hà Tiên 2
- Số cổ phần nắm giữ: Không
- Người có liên quan nắm giữ cổ phần: Không

- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích của Công ty: Không
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không

12.3. Danh sách thành viên Ban Giám đốc

a. Giám đốc

Ông **Trần Duy Sơn**: Giám đốc Công ty Cổ phần Xi măng Hà Tiên 2

Lý lịch trình bày tại phần b) của Hội đồng quản trị

b. Phó Giám đốc

Ông **Cái Hồng Thu**: Phó Giám đốc Công ty Cổ phần Xi măng Hà Tiên 2

Lý lịch trình bày tại phần c) của Hội Đồng Quản Trị.

c. Phó Giám đốc

Ông **Nguyễn Văn Tương**: Phó Giám đốc Công ty Cổ phần Xi măng Hà Tiên 2

- Giới tính : Nam
- Ngày tháng năm sinh : 16/8/1959
- Nơi sinh : Kỳ Bắc, Kỳ Anh, Hà Tĩnh
- Số chứng minh nhân dân : 024391637
- Ngày cấp : 24/11/2005
- Nơi cấp : Tp.HCM
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Địa chỉ thường trú : 61/2 Tân Lập 2, P. Hiệp Phú, Q.9, Tp.HCM
- Trình độ văn hóa : 10/10
- Trình độ chuyên môn : Kỹ sư ngành Cơ khí
- Quá trình công tác:

  + 1983 - 2003: Làm việc tại phân xưởng Cơ khí Sửa chữa. Sau đó làm phó

phòng rồi làm trưởng phòng Kỹ thuật Cơ điện Công ty xi măng Hà Tiên 2

+ 2003 - nay: Phó Giám đốc Công ty Cổ phần xi măng Hà Tiên 2

- Số cổ phần nắm giữ: 2.350 cổ phần.
- Người có liên quan nắm giữ cổ phần: Không
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích của Công ty: Không
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không

d. Phó Giám đốc

Ông **Phạm Văn Thông**: Phó Giám đốc Công ty Cổ phần Xi măng Hà Tiên 2

- Giới tính : Nam
- Ngày tháng năm sinh : 21/11/1962
- Nơi sinh : Thủ Đức – Tp. HCM
- Số chứng minh nhân dân : 021362554
- Ngày cấp : 31/3/2006
- Nơi cấp : Tp. HCM
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Địa chỉ thường trú : 188/5/7B Tô Ngọc Vân, Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh
- Trình độ văn hóa : 12/12
- Trình độ chuyên môn : Kỹ sư điện
- Quá trình công tác:

+ 1985 - 1990: Công ty xi măng Hà Tiên

+ 1990 - 1992: Đốc công phân xưởng Sản xuất chính – Công ty xi măng Hà Tiên

+ 1992 - 1995: Phó Quản đốc phân xưởng Sản xuất chính – Công ty xi măng Hà Tiên 2

+ 1995 - 2002: Quản đốc phân xưởng Nghiền và Đóng bao – Công ty xi măng Hà

Tiên 2

+ 2002 - nay: Phó Giám đốc - Công ty Cổ phần xi măng Hà Tiên 2

- Số cổ phần nắm giữ : 4.402.200 cổ phần

Trong đó: + Sở hữu cá nhân: 2.200 cổ phần

+ Đại diện vốn Nhà nước: 4.400.000 cổ phần

- Người có liên quan nắm giữ cổ phần : Không
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích của Công ty: Không
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không

12.4. Kế toán trưởng

Ông **Nguyễn Quyết Chiến:** Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Trưởng phòng Kế toán Công ty Cổ phần Xi măng Hà Tiên 2

Lý lịch trình bày tại phần d) của Hội Đồng Quản Trị.

13. Tài sản

a. Giá trị tài sản cố định hữu hình theo báo cáo tài chính tại thời điểm 31/12/2008:

Đơn vị tính: Đồng

STT	Khoản mục	Nguyên giá	Hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại
1	Nhà cửa, vật kiến trúc	477.520.680.623	317.467.631.250	160.053.049.373
2	Máy móc và thiết bị	1.307.548.794.880	752.942.102.663	554.606.692.217
3	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	71.478.896.235	50.227.305.920	21.251.590.315
4	Thiết bị, dụng cụ quản lý	13.328.053.326	8.013.748.053	5.314.305.273
5	Tài sản cố định khác	809.410.797	809.410.797	0
	Cộng	**1.870.685.835.861**	**1.129.640.198.683**	**741.225.637.178**

Nguồn: Báo cáo tài chính năm 2008

b. Tình hình sử dụng đất đai của Hà Tiên 2

Tổng diện tích đất đai Công ty Cổ phần Xi măng Hà Tiên 2 đang sử dụng là: 7.849.552,04 m^2. Toàn bộ diện tích đất trên là đất thuê sử dụng. Thực trạng về đất đai của Công ty được thể hiện trong bảng kê dưới đây:

Bảng kê diện tích đất Công ty đang sử dụng tại thời điểm 31/12/2008

TT	Địa điểm	Diện tích (m^2)	Tên công trình trên đất	Hình thức sử dụng
1	Lô đất tại thị trấn Kiên Lương, huyện Kiên Lương, tỉnh Kiên Giang.	7.243.385	Nhà máy xi măng, mỏ vật liệu và các công trình khác.	Thuê 20 năm kể từ ngày 01/01/1996 theo Quyết định số 2626/1997/QĐ-UB ngày 29/12/1997.
2	Lô đất cảng tiếp nhận than tại thị trấn Kiên Lương, huyện Kiên Lương, tỉnh Kiên Giang.	25.280	Cảng tiếp nhận than.	Theo Hợp đồng số 33/HĐ/TĐ ngày 23/05/2006, thời gian thuê 30 năm kể từ ngày 09/05/2006.
3	Nhà khách, Hội trường Công ty, khu thuỷ đài cư xá tại Thị trấn Kiên Lương, huyện Kiên Lương, tỉnh Kiên Giang.	21.946,04	Nhà khách từ C1-C8, Hội trường Công ty, khu thuỷ đài cư xá.	Thuê 50 năm kể từ ngày 15/10/1993 theo Hợp đồng số 01/HĐTĐ ngày 12/01/2007.
4	Lô đất tại kho Cô Bắc, đường Lê Hồng Phong, phường Bình Thủy, Thành phố Cần Thơ.	4.230	Kho tiêu thụ xi măng.	Thuê 50 năm kể từ ngày 15/10/1993 theo Quyết định số 1239/QĐ-UBND ngày 22/05/2007 và theo Hợp đồng số 262/HĐTĐ ngày 30/07/2007.
5	Lô đất tại lô số 7, khu công nghiệp Trà Nóc I thuộc phường Trà Nóc, Thành phố Cần Thơ.	20.986	Văn phòng tiêu thụ sản phẩm tại thành phố Cần Thơ gồm: cảng xuất xi măng, nhà kho và các công trình phụ trợ.	Thuê 40 năm kể từ ngày 01/01/2006 theo Hợp đồng số 99/HĐ/TLĐ.KCN ngày 02/08/2006.
6	Lô đất tại xã Tân An, huyện Vĩnh Cửu, Thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.	2.614	Bến cảng xuất nguyên vật liệu Laterite từ mỏ đá đỏ.	UBND tỉnh Đồng Nai cho thuê theo Quyết định số 197/QĐ.CT.UBT ngày 03/09/2002 đến hết ngày 23/09/2024.

7	Lô đất tại xã Tân An, huyện Vĩnh Cửu, Thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.	401.110	Mỏ đá đỏ Laterite.	Đang xin cấp phép khai thác mỏ. Đang làm thủ tục xin thuê đất.
8	Lô đất tại số 1B đường Ngô Quyền, phường Mỹ Bình, Thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang	1.024	Nhà kho chứa xi măng	Đang làm thủ tục xin thuê đất.
9	Lô đất tại ấp Mỹ Tây, thị trấn Mỹ Thọ, huyện Mỹ Thọ, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp	7.107	Kho tiêu thụ xi măng.	Đang làm thủ tục xin thuê đất.
10	Lô đất tại số 172-Lý Chính Thắng, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh	540	Văn phòng đại diện - Công ty cổ phần xi măng Hà Tiên 2	Theo biên bản bàn giao nhà khách và tài sản nhà khách 172 Lý Chính Thắng ngày 29/12/1992 của Nhà máy liên hợp xi măng Hà Tiên. Đang làm thủ tục xin thuê đất.
11	Lầu 3, số 19 Hồ Tùng Mậu, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh	330	Trụ sở làm việc CN.TPHCM-Công ty cổ phần xi măng Hà Tiên 2	Quyết định số 50/BXD/VP2 ngày 04/02/1980 V/v hoàn trả tài sản cố định cho Nhà máy xi măng Hà Tiên. Đang làm thủ tục xin thuê đất.
12	Lô đất tại xã Long Định, huyện Cần Đước, tỉnh Long An	121.000	Trạm nghiền xi măng Hà Tiên 2 – Long An	Thuê đất 50 năm kể từ ngày 19/09/2003 theo Quyết định số 3234/QĐ-UB ngày 19/09/2003 và theo Hợp đồng số 463/HĐ/TĐ ngày 26/09/2003.

14. Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức năm 2009

14.1. Phân tích điểm mạnh, điểm yếu, cơ hội, nguy cơ

a) Điểm mạnh

- Với lợi thế sở hữu các mỏ đá vôi, đất sét có trữ lượng lớn đủ cung cấp cho Hà Tiên 2 thêm 50 năm nữa với điều kiện sản lượng của nhà máy là 2,4 triệu tấn clinker/năm. Đây là lợi thế rất lớn của Hà Tiên 2 so với các doanh nghiệp khác trong cung ngành vì Hà Tiên 2 là một trong số ít những đơn vị sở hữu mỏ đá vôi tại khu vực phía Nam.

- Nhờ áp dụng những cải tiến kỹ thuật trong sản xuất, năm 2002 Hà Tiên 2 đã xây dựng hệ thống tận dụng nhiệt khí thải lò để chạy máy phát điện đầu tiên và tính đến nay vẫn là duy nhất tại Việt Nam. Với công suất bình quân hiện nay là 2,8MWh, góp phần cung cấp một lượng điện năng đáng kể cho các hoạt động của nhà máy và tiết kiệm đáng kể chi phí trong sản xuất. Ngoài ra, hệ thống còn có những lợi ích khác như:

  - Làm giảm nhiệt độ khí ra khỏi lò nung, nên các thiết bị sau lò nung hoạt động ổn định hơn, giảm hư hỏng, tăng tuổi thọ thiết bị, đặc biệt là quạt gió sơ cấp, máy nghiền liệu, lọc bụi điện,...;

  - Lượng bụi thu hồi được tại nồi hơi khoảng 10 đến 15 tấn/giờ đưa trực tiếp vào silô tồn trữ cũng góp phần vào việc tăng công suất máy nghiền;

  - Nguồn điện tiếp nhận tại thanh cái có chất lượng cao vì máy phát được điều chỉnh với hệ số công suất xấp xỉ 0,95;

  - Cung cấp hơi cho việc sấy dầu FO cấp cho lò nung, nên giảm được chi phí mua dầu DO cho hệ thống sấy dầu FO, chi phí bảo dưỡng và mua sắm vật tư cho hệ thống sấy dầu FO;

  - Đặc biệt đây là hệ thống "SẠCH VÀ XANH", rất thân thiện với môi trường, do máy phát tận dụng khí thải hoàn toàn không sử dụng dầu làm nguồn năng lượng sinh công, nên không thải khí đốt ra môi trường. Việc ngưng hoạt động của hệ thống sấy dầu FO cũng đồng nghĩa với việc ngưng thải khí CO2 do đốt dầu DO của hệ thống này. Ngoài ra, nhiệt độ qua lọc bụi điện thấp hơn nên hiệu suất lọc bụi cao hơn, lượng bụi thải ra môi trường giảm hơn;...Hiện nay, môi trường đang là vấn đề được quan tâm hàng đầu trên Thế giới, các nhà máy xi măng trong nước rồi phải lắp đặt hệ thống tận dụng nhiệt khí thải này, trong khi đó hệ thống của Công ty Xi măng Hà Tiên 2 đã hoạt động ổn định, có hiệu quả và đã thu hồi vốn, đây là một lợi thế rất lớn của Công ty.

- Sản phẩm: Công ty hiện đang sản xuất được các chủng loại xi măng hỗn hợp và xi măng đặc chủng theo nhu cầu của thị trường. Chủng loại xi măng bền sulfat đặc biệt phù hợp cho những công trình xây dựng lớn ở những vùng có môi trường bị nhiễm mặn, nhiễm phèn, bền trong môi trường sulfat.

- Uy tín thương hiệu: Thương hiệu **"Xi măng Hà tiên 2"** là thương hiệu được tín nhiệm hàng đầu ở khu vực Đồng bằng Sông Cửu Long, sản phẩm nhiều năm liền được người tiêu dùng bình chọn là hàng Việt Nam chất lượng cao.

b) Điểm yếu

- Hệ thống trang thiết bị, máy móc hiện tại của Hà Tiên 2 thuộc thế hệ những năm 60, 70 của thế kỷ trước. Tuy đã được nâng cấp cải tạo nhưng chi phí sản xuất còn cao so với công nghệ hiện nay.

- Do Công ty ở xa các trung tâm kinh tế lớn của đất nước nên chi phí vận chuyển của Công ty cao hơn các công ty trong cùng ngành.

- Về đa dạng sản phẩm, Công ty hiện chưa cung cấp các sản phẩm sau xi măng, đồng thời bao bì sản phẩm Hà Tiên 2 chưa đáp ứng được thị hiếu từng vùng riêng biệt.

c) Cơ hội

- Việc gia nhập WTO, tạo cơ hội cho nền kinh tế phát triển nhanh thúc đẩy ngành xây dựng phát triển. Theo Bộ Công nghiệp, triển vọng tăng trưởng hàng năm của nhu cầu xi măng trong giai đoạn 2008- 2010 là 11%, giai đoạn 2011 -2016 vào khoảng 9%/năm và giai đoạn 2016 -2020 là 4,5%/năm.

d) Thách thức

- Trong thời gian tới, ngày càng nhiều nhà máy xi măng sẽ được xây dựng tại phía Nam với công nghệ hiện đại sẽ gia tăng sự cạnh tranh giữa các công ty trong cùng ngành.

- Lộ trình tăng giá than, điện sẽ ảnh hưởng đến giá thành sản xuất xi măng, các Công ty sản xuất xi măng nói chung và Hà Tiên 2 sẽ gặp nhiều khó khăn để đảm bảo tỷ suất lợi nhuận.

- Trong thời kỳ lạm phát tăng cao chính phủ có chính sách thắt chặt quản lý đầu tư, người tiêu dùng cũng hạn chế thực hiện các công trình dân dụng.

14.2. Kế hoạch chiến lược thực hiện trong năm tới

a) Củng cố và phát triển thị trường phân phối sản phẩm

Định hướng của Hà Tiên 2 trong tương lai sẽ tiếp tục hoàn thiện hệ thống phân phối, nuôi dưỡng hệ thống này lớn mạnh, phục vụ được tốt nhất cho việc phân phối sản phẩm của Công ty đi khắp khu vực Đồng bằng Sông Cửu Long. Đồng thời, Hà Tiên 2 sẽ có chính sách cụ thể nhằm tạo sự gắn kết giữa Công ty với các nhà phân phối đảm bảo lợi ích của các bên.

Để chuẩn bị thị trường cho Trạm nghiền Long An và dây chuyền mới Hà Tiên 2.2 hoạt

động trong thời gian tới, Công ty sẽ mở rộng thị trường, đưa sản phẩm vào tiêu thụ tại các địa bàn mới, hướng phát triển thị trường tiêu thụ về các tỉnh miền Đông Nam Bộ, chọn lựa nhà phân phối ở các vùng mới: Tp. Hồ Chí Minh, Bình Dương, Đồng Nai, Bà Rịa Vũng Tàu, Tây Ninh và một số tỉnh lân cận.

b) Đầu tư

- ***Dự án xi măng Hà Tiên 2.2***

Địa điểm đầu tư: Quốc lộ 80, ấp Lò Bom, thị trấn Kiên Lương, huyện Kiên Lương, tỉnh Kiên Giang.

Quy mô và mục tiêu đầu tư: Đầu tư mở rộng thêm 01 dây chuyền sản xuất mới với công suất 1.260.000 tấn clinker/năm và 01 dây chuyền nghiền xi măng công suất 600.000 tấn/năm.

Hình thức đầu tư: Đầu tư thêm một dây chuyền sản xuất mới.

Tổng vốn đầu tư theo báo cáo khả thi: 3.040 tỷ đồng.

Trong đó:

+	Thiết bị :	1.278,85 tỷ đồng
+	Xây dựng :	699,86 tỷ đồng
+	Lắp đặt :	71,03 tỷ đồng
-	Chi phí khác:	990,26 tỷ đồng

Thời gian triển khai: Dự án đang được triển khai thực hiện và dự kiến đưa dây chuyền đóng bao hoạt động vào cuối năm 2010.

- ***Dự án trạm dự án Trạm nghiền Long An***

Địa điểm đầu tư: Khu công nghiệp Long Định, huyện Cần Đước, tỉnh Long An.

Quy mô và mục tiêu đầu tư: Trạm nghiền có công suất 500.000 tấn xi măng/năm. Nhằm phát triển thị phần xi măng Hà Tiên 2 tại Tp. Hồ Chí Minh và các tỉnh Miền Đông Nam bộ.

Hình thức đầu tư: đầu tư mới.

Tổng vốn đầu tư theo báo cáo khả thi: 531,4 tỷ đồng

Trong đó:

+	Thiệt bị cơ điện:	229,6 tỷ đồng
+	Xây lắp:	163 tỷ đồng
-	Chi phí khác:	79,4 tỷ đồng

- Dự phòng phí, vốn lưu động và lãi vay trong thời gian xây dựng dự kiến: 59,4 tỷ đồng

Thời gian triển khai: Dự án đang trong quá trình triển khai và dự kiến vận hành đồng bộ chậm nhất vào quý 2/2009.

14.3. Các chỉ tiêu kế hoạch thực hiện

Đơn vị tính: Tỷ đồng

Chỉ tiêu	Năm 2009	
	Giá trị	% tăng giảm so với 2008
Vốn Điều lệ	1.000	13,64%
Doanh thu thuần	1.716	36,30%
Lợi nhuận sau thuế	140	12,45%
Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế/doanh thu thuần	8,16%	28,68%
Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế/Vốn Điều lệ	14,00%	4,11%
Cổ tức (%)	7,50%	7,14%

15. Đánh giá của tổ chức tư vấn về kế hoạch lợi nhuận và cổ tức

Với tư cách là tổ chức tư vấn chuyên nghiệp, Công ty Cổ phần Chứng khoán Bản Việt đã tiến hành thu thập thông tin, nghiên cứu phân tích và đưa ra những đánh giá và dự báo về hoạt động kinh doanh của Công ty Cổ phần Xi măng Hà Tiên 2.

Nếu không có những biến động bất thường và bất khả kháng tác động đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp thì kế hoạch lợi nhuận mà Công ty đưa ra là có tính khả thi và Công ty có thể đảm bảo được tỷ lệ chi trả cổ tức hàng năm như kế hoạch.

Chúng tôi cũng xin lưu ý rằng các ý kiến nhận xét nêu trên được đưa ra dưới góc độ đánh giá của một tổ chức tư vấn dựa trên những cơ sở thông tin được thu thập có chọn lọc và dựa trên lý thuyết về tài chính chứng khoán mà không hàm ý bảo đảm giá trị của chứng khoán cũng như tính chắc chắn của những số liệu được dự báo. Nhận xét này chỉ mang tính tham khảo với nhà đầu tư khi tự mình ra quyết định đầu tư.

16. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của Công ty

Không có.

17. Các thông tin tranh chấp kiện tụng liên quan tới Công ty có thể ảnh hưởng đến giá cổ phiếu

Không có.

V. CỔ PHIẾU NIÊM YẾT

1. **Loại cổ phiếu: Cổ phiếu phổ thông**
2. **Mệnh giá: 10.000 đồng**
3. **Tổng số cổ phiếu niêm yết: 88.000.000 cổ phiếu**
4. **Số lượng cổ phiếu bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định: 60.917.171 cổ phiếu**

   Trong đó :

   - Số lượng cổ phiếu của cổ đông sáng lập là 60.897.101 cổ phiếu. Các cổ đông sáng lập được chuyển nhượng có điều kiện trong 03 năm (theo luật doanh nghiệp) kể từ ngày Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (kể từ ngày 01/02/2008).

   - Số lượng cổ phiếu của Hội đồng quản trị (đã trừ các cổ phiếu trong danh sách cổ đông sáng lập) là 14.370 cổ phần. Các cổ đông này cam kết nắm giữ 100% số cổ phiếu do mình sở hữu trong thời gian 6 tháng kể từ ngày niêm yết và 50% số cổ phiếu này trong thời gian 6 tháng tiếp theo.

   - Số lượng cổ phiếu của Ban Kiểm soát là 1.150 cổ phần. Các cổ đông này cam kết nắm giữ 100% số cổ phiếu do mình sở hữu trong thời gian 6 tháng kể từ ngày niêm yết và 50% số cổ phiếu này trong thời gian 6 tháng tiếp theo.

   - Số lượng cổ phiếu của Ban Giám đốc là 4.550 cổ phần. Các cổ đông này cam kết nắm giữ 100% số cổ phiếu do mình sở hữu trong thời gian 6 tháng kể từ ngày niêm yết và 50% số cổ phiếu này trong thời gian 6 tháng tiếp theo.

   - Số lượng cổ phiếu của Trưởng Phòng Kế toán (đã trừ các cổ phiếu trong danh sách cổ đông sáng lập): 0 cổ phần.

5. **Giá niêm yết dự kiến: 20.000 đồng/cổ phần**
6. **Phương pháp tính giá:**

   Giá khởi điểm được xác định là giá trung bình (có tính đến trọng số) có kế quả được tính bởi 02 phương pháp so sánh: P/E va P/BV

   Cụ thể khi so sánh với doanh nghiệp khác cùng ngành đã niêm yết trên Sở Giao dịch chứng khoán Thành Phố Hồ Chí Minh, có vốn điều lệ tương đương là Công ty Cổ phần Hà Tiên 1 (HT1), được thống kê theo bảng sau :.

Mã CK	Vốn Điều lệ (đồng)	Giá thị trường tại ngày 18/02/2008 (đồng/cổ phiếu)	EPS (2008)	Giá trị sổ sách (31/12/2008) (đồng/cổ phiếu)	P/E	P/BV
HT1	870.000.000.000	14.800	810	11.036	18,27	1,34

a. Phương pháp so sánh P/E

EPS năm 2008 của Hà Tiên 2 là 1.415 đồng/cổ phần.

Do vậy : Giá cổ phiếu của Hà Tiên 2 dự kiến = EPS x P/E

= 1.415 đồng/cổ phần x 18,27

= 25.854 đồng /cổ phần

b. Phương pháp so sánh P/BV

Giá trị sổ sách của Hà Tiên 2 theo báo cáo tài chính tại ngày 31/12/2008 là 10.665 đồng/cổ phiếu:

Do vậy : Giá niêm yết dự kiến = 10.645 đồng/cổ phần x 1,34

= 14.276 đồng/ cổ phần

Sau khi phân bổ tỷ trọng các phương pháp tính giá thì giá cổ phiếu của Hà Tiên 2 là 20.065 được làm tròn thành **20.000** đồng/cổ phần theo bảng tính sau:

Phương pháp	Giá cổ phiếu (đồng)	Tỷ trọng
Phương pháp so sánh P/E	25.854	50%
Phương pháp so sánh P/BV	14.276	50%
Trung bình gia quyền	**20.065**	**100%**

7. Giới hạn về tỷ lệ nắm giữ đối với nhà đầu tư nước ngoài

Theo Quyết định số 238/2005/QĐ-TTg ngày 29/9/2005 của Thủ tướng Chính phủ về tỷ lệ tham gia của bên nước ngoài vào thị trường chứng khoán Việt Nam, tỷ lệ sở hữu của nhà đầu tư nước ngoài giới hạn tối đa là 49% tổng số cổ phiếu đang lưu hành của Công ty.

Tính đến thời điểm 15/01/2009, nhà đầu tư nước ngoài đang nắm giữ 7,283%% cổ phiếu tại Hà Tiên 2 (6.409.307 cổ phiếu), như vậy nhà đầu tư nước ngoài được quyền mua thêm 41,717% tương đương 36.710.693 cổ phiếu.

8. Các loại thuế có liên quan

8.1. Đối với Công ty

- Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp đang áp dụng tại Hà Tiên 2 là 28%/năm và kể từ năm 2009 là 25%.

- Thuế giá trị gia tăng: Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng là 10%.

8.2. Đối với nhà đầu tư

Thông tư số 100/2004/TT-BTC ngày 20/10/2004 của Bộ Tài chính hướng dẫn thuế GTGT và thuế thu nhập từ hoạt động kinh doanh chứng khoán trên lãnh thổ Việt Nam quy định như sau:

- Các tổ chức, cá nhân đầu tư được miễn thuế thu nhập cá nhân và thuế thu nhập doanh nghiệp đối với khoản thu nhập từ cổ tức được nhận.

- Các cá nhân đầu tư sẽ được miễn thuế thu nhập cá nhân đối với khoản thu nhập từ việc đầu tư vào cổ phần của doanh nghiệp niêm yết.

- Tổ chức đầu tư trong và ngoài nước có đăng ký kinh doanh tại Việt Nam phải chịu thuế thu nhập doanh nghiệp từ việc mua, bán cổ phiếu của doanh nghiệp niêm yết.

- Tổ chức đầu tư nước ngoài không đăng ký kinh doanh tại Việt Nam phải chịu một khoản thuế khoán khi bán cổ phiếu.

Tuy nhiên kể từ ngày 01/01/2009, các tổ chức và cá nhân phải nộp thuế thu nhập từ hoạt động kinh doanh chứng khoán theo đúng quy định.

VI. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI VIỆC NIÊM YẾT

1. Tổ chức tư vấn: Công ty Cổ phần Chứng khoán Bản Việt (VCSC)

Trụ sở chính: Số 67 Hàm Nghi, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Điện thoại: (84-8) 914 3588 Fax: (84-8) 914 3209

2. Tổ chức kiểm toán

a. Tổ chức kiểm toán báo cáo tài chính năm 2006

Công ty TNHH Deloitte Việt Nam (Chuyển đổi từ VACO)

Địa chỉ: Số 8 Phạm Ngọc Thạch, Quận Đống Đa, Hà Nội

Điện thoại: (84-4) 852 4123 Fax: (84-4) 852 4143

b. Tổ chức kiểm toán báo cáo tài chính năm 2007

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán (AASC)

Địa chỉ: Số 1 Lê Phụng Hiểu, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội

Điện thoại: (84-4) 824 1990 Fax: (84-4) 825 3973

VII. PHỤ LỤC

1. **Bản sao hợp lệ Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.**
2. **Bản sao hợp lệ Điều lệ công ty.**
3. **Báo cáo tài chính đã được kiểm toán 2006.**
4. **Báo cáo tài chính đã được kiểm toán 2007.**
5. **Báo cáo tài chính từ ngày 01/01/2008 đến 31/01/2008.**
6. **Báo cáo tài chính từ ngày 01/02/2008 đến 31/12/2008.**

Kiên Giang, ngày .5.. tháng .3 . năm 2009

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC NIÊM YẾT– CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG HÀ TIÊN 2

Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Giám đốc

TRẦN DUY SƠN

Chủ tịch Hội đồng quản trị

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG HÀ TIÊN 2

LÝ TÂN HUỆ

Trưởng Ban Kiểm soát

PHẠM ĐỨC TRUNG

Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Trưởng Phòng kế toán

NGUYỄN QUYẾT CHIẾN

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC TƯ VẤN– CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN BẢN VIỆT

Tổng Giám đốc

TÔ HẢI